

TP. HCM, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Số: 442024/CV-MASHCM

V/v công bố thông tin điện tử Báo cáo cáo
thường niên năm 2023

CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

Mã chứng khoán:

Địa chỉ trụ sở chính: 3C Tôn Đức Thắng, P.Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại: 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Người thực hiện công bố thông tin: Kang Moon Kyung – Tổng Giám Đốc

Địa chỉ: 3C Tôn Đức Thắng, P. Bến Nghé, Quận 1, TP.Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): 028 3910 2222 Fax: 028 3910 7222

Loại thông tin công bố: 24 giờ 72 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

- Báo cáo thường niên năm 2023

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty ngày 19/4/2024 tại đường dẫn như sau:

<https://masvn.com/cate/cong-bo-thong-tin-10>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.



Thay mặt Công ty Cổ phần Chứng khoán
Mirae Asset (Việt Nam)
Tổng Giám Đốc



KANG MOON KYUNG





BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2023 2023 ANNUAL REPORT

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) JSC

**Phụ lục IV
Appendix IV
BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
ANNUAL REPORT**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) JSC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom – Happiness**

Số: 147 /2024/BC-MASHCM
No: /2024/BC- MASHCM

*Tp HCM, ngày 19 tháng 4 năm 2024
HCMC, April 19, 2024*

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN/ANNUAL REPORT
Năm 2023/Year 2023**

Kính gửi: Ủy ban chứng khoán Nhà Nước

Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam

To: *State Securities Commission of Viet Nam*

Viet Nam Stock Exchange

I. THÔNG TIN CHUNG/GENERAL INFORMATION

1. Thông tin khái quát/General information

- Tên giao dịch/Trading name:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

MIRAE ASSET SECURITIES (VIET NAM) JSC

- Giấy phép thành lập và hoạt động số: 130/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 24 tháng 11 năm 2021

Incorporation and operational licence No:130/GP-UBCK issued by the State Securities Commission on November 24th 2021

- Vốn điều lệ/Charter capital: 6,590,500,000,000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/Owner's capital: 6,590,500,000,000 VND
- Địa chỉ: Tầng 07, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Address: 07th Floor, 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 01, HCMC

- Số điện thoại/Telephone: (84) 8 3910 2222
- Số fax/Fax: (84) 8 3910 7222
- Website: www.masvn.com

Quá trình hình thành và phát triển/Incorporation and development process

- Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) được thành lập theo Quyết định số 73/UBCK-GP ngày 18/12/2007 của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước. Ngày 8/4/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Quyết định số 218/QĐ-UBCK chấp thuận việc đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("**Công ty**").

*Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC was established pursuant to Decision No. 73/UBCK-GP dated 18 December 2007 of the State Securities Commission. On 8 April 2009, State Securities Commission issued Decision No. 218/QĐ-UBCK on approval of changing of name into Công ty cổ phần chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("**Company**").*

- Ngày 27/2/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 109/QĐ-UBCK chấp thuận việc thành lập Chi nhánh Công ty tại Hà Nội.

Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset – Chi Nhánh Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 8, Phòng 810, Trung tâm thương mại Daeha, 360 đường Kim Mã, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đứng đầu Chi nhánh: Ông Kang Moon Kyung.

On 27 February 2009, State Securities Commission issued the Decision No.: 109/QD-UBCK approving the establishment of the Company Branch in Hanoi.

Name of the Branch: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset – Chi Nhánh Hà Nội.

Address of branch: 8th Floor, Room 810, Daeha Commercial Centre, 360 Kim Ma street, Ba Dinh district, Hanoi City.

Head of branch: Mr. Kang Moon Kyung.

- Thành viên lưu ký tại Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam (“TTLKCK”) theo Quyết định số 82/GCNTVLK ngày 10/1/2008 của TTLKCK.

Custody member at Vietnam Securities Depository (“VSD”) pursuant to Decision No. 82/GCNTVLK dated 10 January 2008 of VSD.

- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. Hà Nội theo Quyết định số 98/QD-TTGDHN ngày 14/3/2008 của Trung Tâm Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội.

Member of Hanoi Stock Exchange pursuant to the Decision No. 98/QD-TTGDHN dated 14 March 2008 of Hanoi Stock Exchange.

- Thành viên giao dịch tại Sở Giao Dịch Chứng Khoán Tp. HCM theo Quyết định số 77/QD-SGDHCM ngày 19/3/2008 của Sở Giao Dịch Chứng Khoán TP. Hồ Chí Minh.

Member of Ho Chi Minh Stock Exchange pursuant to the Decision No 77/QD-SGDHCM dated 19 March 2008 of Ho Chi Minh Stock Exchange.

- Thành viên đấu thầu tại SGDCK Tp. Hà Nội theo Giấy chứng nhận ngày 19/3/2008.

Bidding member of tại Hanoi Stock Exchange pursuant to the Certificate dated 19 March 2008.

- Ngày 10/7/2009, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 411/QD-UBCK chấp thuận việc đổi tên và người đứng đầu Chi nhánh.

Tên Chi nhánh: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.

Người đứng đầu Chi nhánh: Nguyễn Hoàng Yến.

On 10 July 2009, State Securities Commission issued the Decision No.: 411/QD-UBCK approving the change of name and head of Branch.

Name of Branch: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) – Chi Nhánh Hà Nội.

Head of Branch: Nguyễn Hoàng Yến.

- Ngày 28/1/2010, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số 65/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở Chi nhánh tại Hà Nội.

Địa chỉ Chi nhánh: Tầng 4, Tòa nhà số 27 phố Hàng Bài, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội.

On 28 January 2010, State Securities Commission issued the Decision No. 65/QĐ-UBCK approving the change of the office of Hanoi Branch.

Branch's address: 4th Floor, Building No. 27 Hang Bai street, Hoan Kiem District, Hanoi.

- Ngày 6/4/2011, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 23/GPĐC-UBCK chấp thuận việc thay đổi địa điểm trụ sở chính của Công ty về số 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 1, TP. HCM.

On 6 April 2011, State Securities Commission issued the Amended Licence No. 23/GPĐC-UBCK approving the change of the head office of the Company into 91 Pateur, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City.

- Ngày 12/8/2013, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 35/GPĐC-UBCK chấp thuận thay đổi người đại diện theo pháp luật (chức danh: Tổng Giám Đốc). Theo đó, người đại diện theo pháp luật là ông Woo Young Ki.

On 12 August 2013, State Securities Commission issued the amended Licence No. 35/GPĐC-UBCK approving the change of the legal representative (position: General Director). Accordingly, the legal representative is Mr. Woo Young Ki.

- Ngày 15/04/2015, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước ban hành Giấy phép điều chỉnh số 17/GPĐC-UBCK chấp thuận thay đổi tên Công ty thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam)

On 15 April 2015, State Securities Commission issued the amended Licence No. 17/GPDC-UBCK approving the change of Company name into Mirae Asset Wealth Management Securities (Vietnam) JSC.

- Ngày 08/01/2016, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp Giấy phép thành lập và hoạt động cho Công ty. Theo đó Công ty được chuyển đổi thành Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Chứng khoán Mirae Asset Wealth Management (Việt Nam) với chủ sở hữu duy nhất là Công ty Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited. Sự kiện này là cột mốc quan trọng vì Công ty đã trở thành một trong 03 công ty chứng khoán 100% vốn nước ngoài tại Việt Nam.

On 08 January 2016, State Securities Commission issued the Establishment and Operational Licence to the Company. The Company accordingly has been converted into Mirae Asset Wealth Management Securities (Vietnam) LLC with the sole owner – Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited. This is an important event as the Company has become one of 03 securities companies with 100% foreign ownership in Vietnam.

- Ngày 24/05/2016, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 700 tỷ đồng Việt Nam.

On 24 May 2016, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 700bil VND.

- Ngày 08/02/2017, Công ty được chấp thuận đổi tên thành Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)

On 8 February 2017, the Company has been approved to change its name into Mirae Asset (Vietnam) LLC.

- Ngày 15/06/2017, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 2.000 tỷ đồng Việt Nam.

On 15 June 2017, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 2,000bil VND.

- Ngày 20/10/2017, Công ty được chấp thuận đổi trụ sở chính đến Tầng 07, tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM

On 20 October 2017, the Company has been approved to change its head office location to 07th Floor, Le Meridien building, 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 01, HCMC

- Ngày 11/01/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh TPHCM tại tầng 07, 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM

On 11 January 2018, SSC issued licence for establishment of HCMC Branch at 07th Floor, 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 01, HCMC

- Ngày 10/09/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 4.300 tỷ đồng Việt Nam.

On 10th September 2018, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 4,300 bil VND.

- Ngày 17/9/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh chứng khoán phái sinh.

On 17 September 2018, SSC issued certificate for enough conditions for Derivative trading business.

- Ngày 31/10/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Vũng Tàu tại 102A Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

On 31 October 2018, SSC issued licence for establishment of Vung Tau Branch at 102A Le Hong Phong. Ward 4, Vung Tau city, Ba Ria- Vung Tau Province.

Ngày 08/11/2018 Công ty được Sở Giao Dịch Chứng Khoán Hà Nội chấp thuận là thành viên giao dịch thị trường chứng khoán phái sinh.

On 08 November 2018 the Company has been approved to be member of Derivative trading market by Ha Noi stock exchange.
- Ngày 03/12/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Thăng Long tại Tòa nhà Gelex, 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội

On 03 December 2018, SSC issued licence for establishment of Thang Long Branch at Gelex Building, 52 Le Dai Hanh street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi city.
- Ngày 03/12/2018, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Đà Nẵng tại Tòa nhà Vinh Trung plaza, 255-257 Hùng Vương, phường Vĩnh Trung, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

On 3rd December 2018, SSC issued licence for establishment of Da Nang Branch at Vinh Trung Plaza Building, 255-257 Hung Vuong, Vinh Trung ward, Thanh Khe District, Da Nang city.
- Ngày 18/12/2018, Công ty được chấp thuận đổi địa chỉ chi nhánh Hà Nội tại Tòa nhà văn phòng trung tâm Hà Nội, tầng 3, số 44B Lý Thường Kiệt, phường Trần Hưng Đạo, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

On 18 December 2018, the Company has been approved to change Ha Noi Branch's address to Ha Noi central office building, 3rd floor, 44B Ly Thuong Kiet street, Tran Hung Dao ward, Hoan Kiem District, Ha Noi city.
- Ngày 27/03/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Sài Gòn tại tầng 16, tòa nhà Green Power, số 35 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh

On 27th March 2019, SSC issued licence for establishment of Sai Gon Branch at 16th floor, Green Power Building, No.35 Ton Duc Thang street, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh city.
- Ngày 08/05/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Cần Thơ tại tầng 5, tòa nhà VCCI Cần Thơ, số 12 đường Hòa Bình, phường An Cư, quận Ninh Kiều, thành phố Cần Thơ.

On 08th May 2019, SSC issued licence for establishment of Can Tho Branch at 5th floor, VCCI building, No.12 Hoa Binh street, An Cu ward, Ninh Kieu district, Can Tho city.

- Ngày 03/06/2019, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 422/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh Đà Nẵng.

Người đứng đầu Chi nhánh: Võ Thị Bạch Vi

On 03rd June 2019, State Securities Commission issued the Decision No.: 422/QĐ-UBCK approving the change of head of Branch.

Head of Branch: Vo Thi Bach Vi.

- Ngày 15/10/2019 Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho chi nhánh Hà Nội được hoạt động lưu ký chứng khoán theo Quyết định 800/QĐ-UBCK

On 15th October 2019, SSC approved Ha Noi Branch to run Custody business according to Decision No.800/QĐ-UBCK

- Ngày 21/11/2019, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 5,455.5 tỷ đồng Việt Nam.

On 21st November 2019, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 5,455.5 bil VND.

- Ngày 17/12/2020, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Hải Phòng tại tầng 1, số 135 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

On 17/12/2020, SSC issued licence for establishment of Hai Phong Branch at 1st floor, No.135 Dinh Tien Hoang street, Hoang Van Thu Ward, Hong Bang District, Hai Phong city.

- Ngày 31/12/2020, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 954/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh Đà Nẵng.

Người đứng đầu Chi nhánh: Nguyễn Duy Minh Nhựt

On 31/12/2020, State Securities Commission issued the Decision No.: 954/QĐ-UBCK approving the change of head of Da Nang Branch.

Head of Branch: Nguyen Duy Minh Nhut

- Ngày 15/4/2021, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 200/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh Hải Phòng.

Người đứng đầu Chi nhánh: Nguyễn Tuấn Anh

On 15/4/2021, State Securities Commission issued the Decision No.: 200/QĐ-UBCK approving the change of head of Hai Phong Branch.

Head of Branch: Nguyen Tuan Anh

- Ngày 09/6/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp phép thành lập Chi nhánh Hải Phòng tại tầng 10, tòa nhà Viettel, số 285 Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

On 09/6/2021, SSC issued licence for establishment of Hai Phong Branch at 10th floor, Viettel Building, No.285 Cach Mang Tam, Ward 12, District 10, Ho Chi Minh city.

- Ngày 16/9/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận về chuyển đổi loại hình doanh nghiệp.

On 16/9/2021, SSC approved change of legal corporate (from limited company to joint stock company).

- Ngày 24/11/2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chấp thuận cho Công ty được tăng vốn điều lệ lên 6.590.500.000.000 đồng Việt Nam và chuyển đổi công ty thành Công ty Cổ phần chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam).

On 24th November 2021, SSC approved the increase of charter capital of the Company to 6.590.500.000.000 VND and converted the company to Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC.

Ngày 16/5/2022, Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước đã chấp thuận về việc đổi tên các Chi nhánh như sau:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh Hà Nội

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh Cần Thơ

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh Cách Mạng Tháng Tám

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh Hải Phòng

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh TP. Hồ Chí Minh

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh Sài Gòn

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh Vũng Tàu

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh Đà Nẵng

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam)- Chi Nhánh Thăng Long

On 16th May 2022, SSC approved to change the name of branches as follows:

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- Ha Noi Branch

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- Can Tho Branch

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- Cach Mang Thang Tam Branch

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- Hai Phong Branch

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- TP. Ho Chi Minh Branch

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- Sai Gon Branch

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- Vung Tau Branch

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- Da Nang Branch

Mirae Asset Securities (Viet Nam) JSC- Thang Long Branch

- Ngày 03/8/2022, Công ty được chấp thuận đổi địa chỉ chi nhánh Đà Nẵng tại tầng 02, số 01 Nguyễn Văn Linh, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

On 03/8/2022, the Company has been approved to change Da Nang Branch's address to 2nd floor, No.01 Nguyen Van Linh street, Binh Hien ward, Hai Chau District, Da Nang city.

- Ngày 19/7/2023, Công ty được chấp thuận đổi địa chỉ chi nhánh Cần Thơ tại tầng 7, tòa nhà Royal Tower, Khu dân cư Hưng Phú I (lô số 3A), Khu đô thị mới nam sông Cần Thơ, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

On 19/7/2023, the Company has been approved to change Can Tho Branch's address to 7th floor, Royal Tower building, Hung Phu I Residential Area (block 3A), Nam Song Can Tho New Urban Area, Hung Phu ward, Cai Rang District, Can Tho City.

- Ngày 31/8/2023, Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước có Quyết định số: 752/QĐ-UBCK chấp thuận việc thay đổi người đứng đầu Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Người đứng đầu Chi nhánh: Nguyễn Thị Như Ý

On 31/8/2023, State Securities Commission issued the Decision No.: 752/QĐ-UBCK approving the change of head of Ho Chi Minh City Branch.

Head of Branch: Nguyen Thi Nhu Y

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ *Business line and business location*

- Công ty có trụ sở chính tại Số 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh và 09 Chi nhánh: (i) Chi nhánh Hà Nội tại Tầng 3, Tòa nhà HCO, 44B Lý Thường Kiệt, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội; (ii) Chi nhánh TP.HCM tại tầng 07 tòa nhà Saigon Royal, 91 Pasteur, phường Bến Nghé, Quận 01, TPHCM; (iii) Chi nhánh Vũng Tàu tại 102A Lê Hồng Phong, phường 4, thành phố Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu; (iv) Chi nhánh Đà Nẵng Tầng 2, số 01 Nguyễn Văn Linh, phường Bình Hiên, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng; và (v) chi nhánh Thăng Long tại Tòa nhà Gelex, 52 Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội; (vi) Chi nhánh Cần Thơ tại tầng 7, tòa nhà Royal Tower, Khu dân cư Hưng Phú I (lô số 3A), Khu đô thị mới nam sông Cần Thơ, phường Hưng Phú, quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ; (vii) chi nhánh Sài Gòn tại Tầng 08 tòa nhà Pearl 5, 05 Lê Quý Đôn, phường Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh; (viii) chi nhánh Hải Phòng tại tầng 1, số 135 Đinh Tiên Hoàng, phường Hoàng Văn Thụ, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng; (ix) Chi nhánh Cách Mạng Tháng Tám tại Tầng 10, tòa nhà Viettel, số 285 Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, Quận 10, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Công ty được thực hiện đầy đủ 4 nghiệp vụ sau đây:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Bảo lãnh phát hành chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

The Company located at No. 3C Ton Duc Thang, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City and 09 Branches: (i) Hanoi branch at 3rd Floor, HCO Building 44B Ly Thuong Kiet street, Hoan Kiem district, Hanoi and (ii) HCMC Branch at 7th Floor, Saigon Royal Building, 91 Pasteur, Ben Nghe ward, District 1, Ho Chi Minh City; (iii) Vung Tau Branch at 102A Le Hong Phong, Ward 4, Vung Tau city, Ba Ria- Vung Tau Province; (iv) Da Nang Branch at 2nd floor, No.1 Nguyen Van Linh street, Binh Hien Ward, Hai Chau District, Da Nang city; and (v) Thang Long Branch at Gelex Building, 52 Le Dai Hanh street, Le Dai Hanh Ward, Hai Ba Trung District, Ha Noi city; (vi) Can Tho Branch at 7th floor, Royal Tower building, Hung Phu I Residential Area (block 3A), Nam Song Can Tho New Urban Area, Hung Phu ward, Cai Rang District, Can Tho City; (vii) Sai Gon Branch at t floor Pearl 5 Building, 05 Le Quy Don street, Vo Thi Sau Ward, District 3, Ho Chi Minh city; (viii) Hai Phong Branch at 1st floor, No.135 Dinh Tien Hoang street, Hoang Van Thu Ward, Hong Bang District, Hai Phong; (ix) Cach Mang Thang Tam Branch at 10th floor Viettel Building, No 285 Cach Mang Thang Tam, Ward 12, District 10, HCMC, Viet Nam. The Company is permitted to engage in the following business line:

- *Securities brokerage;*
- *Securities self-trading;*
- *Underwriting issues of securities;*
- *Securities investment consultancy.*

- Hiện nay Công ty chủ yếu thực hiện các nghiệp vụ chính là Môi giới chứng khoán, Tư vấn đầu tư chứng khoán và Tự doanh chứng khoán.

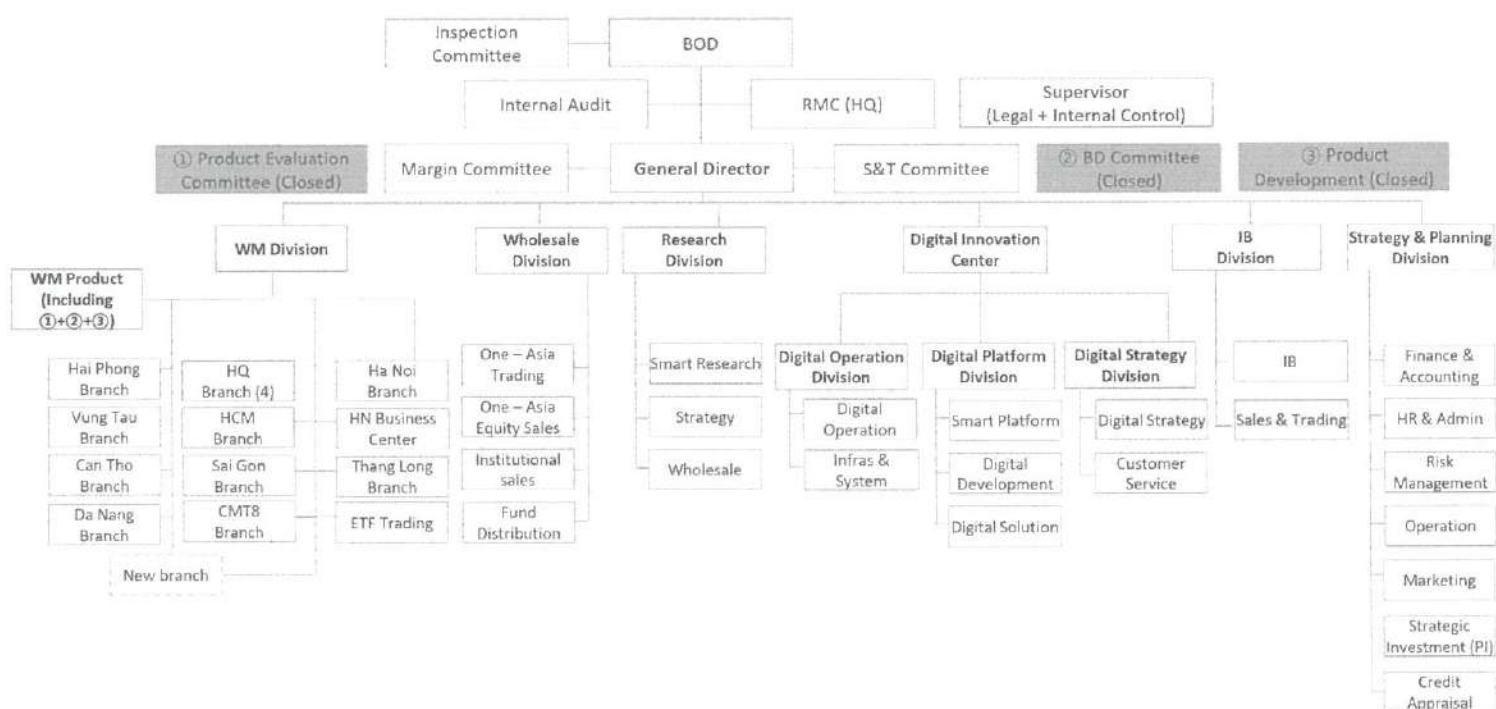
The Company now mainly engages in Securities brokerage, Securities investment consultancy and securities self-trading.

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Information on management and organisational structure and management system

Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý (tính đến nay)/ *Management structure and organizational structure (up to present)*

- Mô hình quản trị công ty: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc

Management structure: GMS, Board of Directors, Inspection Committee and General Director



4. Định hướng phát triển/ *Development orientations*

- 4.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty/ *Main objectives of the Company*

- Về mục tiêu kinh doanh: Với mong muốn đem đến cho khách hàng những dịch vụ tốt nhất thông qua việc nâng cấp, hoàn thiện các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

Business objectives: with the objective to provide the clients the best services by improvement and completion of all services of the Company.

- Về phát triển con người: Công ty cũng chú trọng đến công tác tuyển dụng và đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên thực sự có năng lực, có đạo đức nghề nghiệp, nắm bắt và đáp ứng kịp thời mọi nhu cầu của khách hàng. Vì thế, đội ngũ nhân viên Bộ phận Môi giới và Tư vấn đầu tư chứng khoán được Công ty đặc biệt quan tâm. Hiện tại, nhân viên làm việc tại Bộ phận này đều đã trang bị cho mình đầy đủ bằng cấp, chứng chỉ cũng như có bề dày kinh nghiệm và thâm niên trong lĩnh vực này.

Human resources development: The Company always pays attention to recruitment and training of managers and staff who have capacity and professional ethics, to understand and satisfy all requirements of the clients. Therefore, employees of Securities brokerage and investment consultancy are focused on. Now employees working at these divisions have sufficient qualifications and certificates as well as experience in such industry.

- Về quản lý Công ty: Trong năm qua Công ty đã cập nhật cũng như chỉnh sửa nhiều quy trình nghiệp vụ chuyên môn, đồng thời cũng đang rà soát và sửa đổi quy trình liên quan đến quản trị rủi ro nhằm đảm bảo tốt nhất các hoạt động kinh doanh của Công ty tuân thủ các quy định của pháp luật cũng như các nguyên tắc riêng của Tập đoàn và Công ty.

Management of the Company: In a year the Company has updated and amended many professional rules, as well as reviewed and amended the risk management rules in order to ensure that the business activities of the Company comply with the laws and internal rules of the Group and the Company.

Trên cơ sở đánh giá, phân tích kinh tế vĩ mô cũng như thị trường chứng khoán, mục tiêu chủ yếu của Công ty năm 2024 là nâng cao năng lực tài chính và cải thiện năng lực cạnh tranh nhằm giữ vững vị thế và khẳng định thương hiệu của một tổ chức tài chính chuyên nghiệp.

Based on the assessment and analysis of macro economy and securities market, the objectives of the Company in 2024 are increase the financial capacity and improve the competition capacity for holding position and brand name of a professional financial group.

4.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn/Development strategies in medium and long-term basis

- Mục tiêu sắp tới là tiến hành mở rộng hoạt động kinh doanh, nâng cao tính cạnh tranh trên thị trường.

The next objective is to expand the business activities and improve the competition capacity in the market.

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống và đội ngũ công nghệ đồng thời nỗ lực tuân thủ các quy định thử nghiệm hệ thống KRX. Ngoài ra, Công ty còn đang xây dựng hệ thống phần mềm của riêng mình với sự hỗ trợ từ Tập đoàn mẹ đến từ Hàn Quốc nhằm đưa MAS trở thành một trong những công ty chứng khoán có hệ thống giao dịch tốt hàng đầu thị trường, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng

The company continues to promote investment in the system and technology team while making efforts to comply with KRX system regulations. In addition, the Company is also building its own system with support from the parent group from Korea to make MAS one of the leading securities companies with good trading systems in the market, maximally meeting customer needs

- Mở rộng phát triển khách hàng cá nhân, tìm kiếm các cơ hội đầu tư và hỗ trợ các doanh nghiệp, nhà đầu tư trong nước và ngoài nước đầu tư vào Việt Nam. *Expanding and developing retail brokerage, seeking investment opportunities and supporting companies, local and foreign investors in investment in Vietnam.*

5. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty/*Corporate objectives with regard to corporate environment, society and community sustainability*

- Nhận thức được tầm quan trọng của trách nhiệm doanh nghiệp đối với xã hội trong việc tạo ra sự cân bằng giữa kinh doanh và sự phát triển của cộng đồng, Công ty cũng đã tổ chức các hoạt động mang tính cộng đồng và khuyến khích nhân viên tích cực tham gia (như vận động đóng góp từ thiện, tham gia hỗ trợ, tài trợ cho các chương trình từ thiện...). Công ty sẽ tiếp tục phát huy và tích cực nhân rộng hoạt động cộng đồng này.

To aware the important of enterprise responsibility to the society in balancing between business and community development, the Company has organized the community activities and encouraged staff to participate in (such as charitable contribution, sponsor to charity programme, etc). The Company shall continue promoting this community activity.

- Ngoài ra, nhằm tạo sự gắn kết và hiểu biết nhau trong cộng đồng làm việc ở Công ty, Công ty cũng tổ chức các hoạt động liên hoan, văn nghệ, dã ngoại, giao lưu giữa các thành viên trong Công ty.

In addition, in order to create the solidarity within the working community in the Company, the Company has organized picnics, entertainment and exchange relation among the employees in the Company.

6. Các rủi ro/Risks

- Kể từ khi thành lập đến nay, thị trường chứng khoán Việt Nam luôn tạo ra sự hấp dẫn thông qua những con sóng lớn, nhỏ ở bất cứ giai đoạn phát triển nào của nền kinh tế. Đặc tính của chứng khoán Việt Nam là thị trường mới nổi, còn non trẻ và cần nhiều thời gian để hoàn thiện, phát triển. Do đó, tâm lý nhà đầu tư dễ bị lung lay và phải luôn đối mặt với các thách thức bán tháo khi nhà đầu tư mất niềm tin vào thị trường hoặc nền kinh tế. Điều này dẫn đến nguy cơ khó gia tăng số lượng nhà đầu tư ảnh hưởng đến lợi nhuận và định hướng phát triển dài hạn của Công ty.

From the establishment up to date, Vietnam stock market is always interesting due to the big and small waves in any period of economy. The features of Vietnam stock exchange are a new market and needs time to develop. Therefore, the psychology of the investors is not stable and face with the ability of selling stock quickly when they do not trust on the market or the economy. The increase of number of investors is difficult because of this issue.

- Điểm yếu của thị trường chứng khoán Việt Nam là tính minh bạch chưa cao, nguồn tin và báo cáo còn nhiều sai lệch, chưa kể nhà đầu tư trong nước cũng còn thiếu hiểu biết cũng như kinh nghiệm đầu tư. Ngoài ra, biên độ dao động lớn sẽ là yếu tố rủi ro rất cao cho những nhà đầu tư lạm dụng đòn bẩy tài chính. Đồng thời, những rủi ro về lãi suất tăng cao và lạm phát cũng tác động không nhỏ đến các quyết định mua, bán chứng khoán của nhà đầu tư. Chính điều này tạo tâm lý e ngại cho Công ty trong việc mở rộng các sản phẩm dịch vụ của Công ty.

The weakness of Vietnam stock market is the transparency is low, information and reports are not correct, the local investors do not understand and lack of investment experience, etc. In addition, the significant fluctuation in trading band shall be the high risk for investors who get advantage from financial tools. This is problem that the Company should consider in expanding of services.

II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM/YEARLY OPERATIONS

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Situation of production and business operations

- 1.1 Năm 2023, Đối mặt với nhiều thách thức khó khăn của nền kinh tế trong nước và ngoài nước, kết quả kinh doanh của MAS ghi nhận sự điều chỉnh giảm so với năm 2022. Cụ thể, doanh thu hoạt động đạt 2,515,348,081,337 đồng giảm nhẹ so với năm trước đó -1.82%, lợi nhuận trước thuế đạt 740,151,116,886 đồng giảm -12.47%, và lợi nhuận sau thuế là 583,863,858,943 đồng, giảm -13.41%.

In 2023, amidst numerous challenges posed by both domestic and international economic landscapes, MAS encountered a downturn in its business performance compared to 2022. Specifically, operational revenue amounted to 2,515,348,081,337 VND, reflecting a slight decrease of -1.82% from the previous year. Pre-tax profit reached 740,151,116,886 VND, declining by -12.47%, while post-tax profit stood at 583,863,858,943 VND, marking a decrease of -13.41%

1.2 Tình hình thực hiện so với kế hoạch/Implementation situation

- Năm 2023, Công ty đã có cải thiện đáng kể đối với vấn đề vận hành hệ thống và triển khai hoạt động ngân hàng đầu tư, môi giới cá nhân,

- *In 2023, the Company has the significant improvement in system operation and implementation of investment banking and retail brokerage.*

2. *Tổ chức và nhân sự/Organisation and Human resource*

Bộ máy tổ chức công ty bao gồm : Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm Soát, Tổng Giám đốc

The company's organisation structure includes : GSM, Board of Directors, Inspection Committee, General Director.

2.1. *Danh sách Ban Điều Hành/List of management persons*

i) **Ông Seol Kyung Suk – Chủ tịch Hội đồng quản trị**

Chuyên môn chính:

- Cử nhân luật tại Đại học Hàn Quốc
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực bảo hiểm & chứng khoán

Kinh nghiệm nổi bật

Ông Seol Kyung Suk có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành công ty bảo hiểm và công ty chứng khoán của tập đoàn Mirae Asset. Ông đóng góp rất nhiều trong việc cải tiến sản phẩm, quản lý vận hành và lập chiến lược marketing. Ông Seol Kyung Suk là một trong những quản lý cấp cao của tập đoàn Mirae Asset.

Mr. Seol Kyung Suk – Chairman of BOD

Key qualifications:

- BA, major in law at Korean University
- Having strong experience in insurance and securities practices

Selected experience

Mr. Seol Kyung Suk has strong experience in management of the insurance company and securities company of Mirae Asset Financial group. He has contributed in products innovation, business management and marketing strategy. Mr. Seol Kyung Suk is one of senior directors of Mirae Asset Financial group.

ii) **Ông Kim Sang Joon – Thành viên Hội đồng quản trị**

Chuyên môn chính:

- Thạc sỹ kỹ thuật cơ khí Đại Học quốc gia Seoul
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán

Kinh nghiệm nổi bật

Ông Kim Sang Joon có nhiều năm kinh nghiệm trong việc quản lý điều hành công ty chứng khoán của tập đoàn Mirae Asset. Hiện tại, ông Kim đang giữ chức vụ Giám đốc điều hành của Mirae Asset Securities (HK) Limited.

Mr. Kim Sang Joon – Member of BOD

Key qualifications:

- *Master, major in Mechanical Engineering at Seoul National University*
- *Having many years of experience in/finance/securities industry*

Selected experience

Mr Kim Sang Joon has strong experience in management of the securities company of Mirae Asset Financial group. Now he is charge of CEO of Mirae Asset Securities (HK) Limited (formerly known as Mirae Asset Wealth Management (HK) Limited).

iii) Ông Kang Moon Kyung – Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc

Chuyên môn chính:

- *Cử nhân kinh tế Tại Đại học Hàn Quốc*
- *Đã từng tham gia thành lập các pháp nhân tại Châu Mỹ của tập đoàn Mirae Asset*

Kinh nghiệm nổi bật

Ông Kang Moon Kyung là Tổng giám đốc Công ty và hiện tại đang quản lý Bộ phận Kinh doanh Chứng khoán

Ông Kang Moon Kyung trước đây đã làm việc tại tập đoàn Mirae Asset - Bộ phận chiến lược và đầu tư nước ngoài tại Hàn Quốc. Bộ phận có chức năng thành lập, quản lý các pháp nhân của tập đoàn trên thế giới bao gồm Châu Âu và Châu Mỹ.

Ông Kang có kinh nghiệm sâu rộng trong việc tư vấn cho khách hàng về phát triển và thực hiện chiến lược cũng như thúc đẩy quy trình làm việc nhằm tăng hiệu quả hoạt động công ty.

Ông Kang Moon Kyung gia nhập Công ty từ những ngày đầu. Ông có kiến thức sâu rộng về hoạch định chiến lược, đầu tư chứng khoán. Ông cũng rất am hiểu về môi trường kinh doanh tại Việt Nam.

Mr Kang Moon Kyung – Member of BOD/CEO

Key qualifications

- *BA, major in Economic at Korean University*
- *Participating in setting up subsidiaries in America*

Selected experience

Mr Kang Moon Kyung is Chief Executive Officer of the Company, and currently leading Securities Business Division.

Mr Kang Moon Kyung has worked for Mirae Asset Financial group – Global Strategy and Investment Division in Korea. Such division will establish, manage subsidiaries around the world including Europe and America.

His extensive professional experience includes advising clients in the development and implementation of strategies as well as simulation of working processes to verify operational readiness.

Mr Kang Moon Kyung has joined the Company since the very initial stage and has deeply involved in establishing the company from the beginning. He has broad knowledge of strategy and investment, and also possesses an excellent knowledge of the Vietnam business environment.

iv) Ông Kye Kyoung Tae- thành viên Hội đồng quản trị

Chuyên môn chính:

- Thạc sỹ xây dựng và phát triển bất động sản
- Có nhiều năm kinh nghiệm trong lĩnh vực tài chính chứng khoán

Kinh nghiệm nổi bật

Ông Kye Kyoung Tae hiện tại là Người đứng đầu Bộ phận chiến lược và đầu tư nước ngoài tại Hàn Quốc

Ông có có kinh nghiệm sâu rộng trong lĩnh vực tài chính, tư vấn đầu tư, tư vấn chiến lược.

Mr Kye Kyoung Tae – Member of BOD

Key qualifications

- *Master, major in Real Estate Development &Construction*
- *Having many years of experience in/finance/securities industry*

Selected experience

Mr Kye Kyoung Tae is charge of head of Global Business Management Department of Mirae Asset Securities Co., Ltd

He has strong experience in fiance, business strategy, investment banking

Những thay đổi trong ban điều hành/ changes in the Board of Management (không có)

STT/No	Thành viên HĐQT/ Member of BOD	Chức vụ/ Title	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	
			Ngày bổ nhiệm Apointment date	Ngày miễn nhiệm Dismissal date
1	Ông/Mr Seol Kyung Suk	Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị Chairman of BOD	27/9/2021	

2	Ông/Mr Kang Moon Kyung	Thành viên Hội Đồng Quản Trị <i>Member of BOD</i>	27/9/2021	
3	Ông/Mr Kim Sang Joon	Thành viên Hội Đồng Quản Trị <i>Member of BOD</i>	27/9/2021	13/4/2023
4	Ông/Mr Kye Kyoung Tae	Thành viên Hội Đồng Quản Trị <i>Member of BOD</i>	13/4/2023	

Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động/*Number of staff and summary of the policies for employees*

Tổng số nhân viên của Công ty vào cuối năm 2023 là 534 người.

Total employees of the Company at the end of 2023: 534 employees

Chính sách đối với người lao động: các chế độ bảo hiểm theo quy định, chương trình kiểm tra sức khỏe hàng năm, chương trình đào tạo, thưởng Tết và chương trình phụ cấp chứng chỉ hành nghề cho nhân viên có chứng chỉ hành nghề.

Policies for employees: insurance scheme, health-check every year, training programme, Tet bonus and allowance for practitioners.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*Investment activities, project implementation*

➤ Các khoản đầu tư lớn: Tính đến thời điểm hiện tại, Công ty không có khoản đầu tư lớn nào.

Significant investment: Up to date, the Company has no significant investment

➤ Công ty liên kết: N/A

4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

STT/No	Chỉ tiêu/ Criteria	Năm 2022/ Y2022	Năm 2023/ Y2023	Tăng giảm 2023/2022 % Increase/ Decrease
1	Tổng tài sản/ Total asset	18,825,478,165,221	19,983,760,753,996	6.15%
2	Doanh thu hoạt động/ Revenue	2,561,950,793,810	2,515,348,081,337	-1.82%
3	Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax	845,636,891,056	740,151,116,886	-12.47%
4	Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax	674,316,035,848	583,863,858,943	-13.41%

- Các chỉ tiêu khác/*other figures*: N/A

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial benchmarks*

Các chỉ tiêu/Benchmarks	2023	2022	Ghi chú/Note
<p>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/<i>Solvency ratio</i> Hệ số thanh toán ngắn hạn/<i>Current ratio</i>: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Assets/Short term Debt</i>) Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>: <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn <i>Short-term Asset- Inventories</i> <i>Short-term Debt</i></p>	1.94	1.91	
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/<i>capital structure ratio</i> Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/total asset ratio</i>) Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>	51.17%	51.47%	
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/<i>Operation capability Ratio</i> Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>: <u>Giá vốn hàng bán</u> Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>) Doanh thu thuần/Tổng tài sản (<i>Net revenue/Total Assets</i>)</p>	14.02%	12.59%	
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Target Profitability</i> Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/Net revenue ratio</i>) Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/total capital ratio</i>) Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/Total assets ratio</i>) Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Operating profit/Net</i></p>	26.32%	23.21%	

revenue ratio)

5. Cơ cấu sở hữu, thay đổi vốn chủ sở hữu/*Ownership structure, change in the owner's equity*

a) Vốn góp/*Contribution capital*: 6,590,500,000,000 VND

b) Danh sách cổ đông/*List of shareholders*:

Cổ đông	Số lượng cổ phần phổ thông	Số lượng cổ phần ưu đãi cổ tức
Công ty Mirae Asset Securities (HK) Limited	544.458.900	113.500.000
Công ty Mirae Asset Global Investments(Hong Kong) Limited	545.550	0
ng ty PT Mirae Asset Sekuritas Indonesia	545.550	0

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Không có

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty/*Report related impact of the Company on the environment and society*

6.1. Tác động lên môi trường : Không có

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*: Không có

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission*: Không có

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/*Management of raw materials*: Không có

Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/*The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year*: Không có

Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/*The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization*: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng/*Energy consumption*: Không có

Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/*Energy consumption - directly and indirectly*.

Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/*Energy savings through initiatives of efficiently using energy.*

Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/*The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.*

6.4. Tiêu thụ nước/*Water consumption: Không có*

Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/*Water supply and amount of water used.*

Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/*Percentage and total volume of water recycled and reused*

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/*Compliance with the law on environmental protection*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*Number of times the Company is fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không có/None*

b) Tổng số tiền bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/*The total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment: Không có/None*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/*Policies related to employees*

a) Số lượng lao động /*Number of employees: 534*

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/*Labour policies to ensure health, safety and welfare of workers: khám sức khỏe định kỳ, bảo hiểm y tế, v.v./periodical health-check, medical insurance, etc.*

c) Hoạt động đào tạo người lao động/*Training employees*

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và phân loại nhân viên/*The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff: 08 giờ/năm (08 hours/year)*

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/*The skill development and continuous learning program to support worker's employment and career development: N/A*

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/*Report on responsibility for local community*

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng như tài trợ học bổng cho sinh viên nghèo /*The community investments and other community development activities: sponsor scholarship for poor students.*

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCK/Green capital market activities under the guidance of the SSC: không có

III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC/REPORT AND ASSESSMENT OF THE BOARD OF MANAGEMENT

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results

- Năm 2023, Đối mặt với nhiều thách thức khó khăn của nền kinh tế trong nước và ngoài nước, kết quả kinh doanh của MAS ghi nhận sự điều chỉnh giảm so với năm 2022. Cụ thể, doanh thu hoạt động đạt 2,515,348,081,337 đồng giảm nhẹ so với năm trước đó - 1.82%, lợi nhuận trước thuế đạt 740,151,116,886 đồng giảm -12.47%, và lợi nhuận sau thuế là 583,863,858,943 đồng, giảm -13.41%.
In 2023, amidst numerous challenges posed by both domestic and international economic landscapes, MAS encountered a downturn in its business performance compared to 2022. Specifically, operational revenue amounted to 2,515,348,081,337 VND, reflecting a slight decrease of -1.82% from the previous year. Pre-tax profit reached 740,151,116,886 VND, declining by -12.47%, while post-tax profit stood at 583,863,858,943 VND, marking a decrease of -13.41%

- Những tiến bộ Công ty đã đạt được: hệ thống đã vận hành ổn định, doanh số tăng trong năm mặc dù thị trường chứng khoán có nhiều biến động, phát triển kinh doanh một cách bền vững.

The Company's achievements: the system has operated smoothly, the revenue has increased in the year even though the securities market has fluctuation, the business has the sustainability development.

IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY/ASSESSMENT OF THE BOARD OF DIRECTORS ON THE COMPANY'S OPERATION

✦ Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty/Assessment of the Board of Directors on the Company's operation.

- Công ty đã hoạt động theo đúng chủ trương, Nghị quyết của Hội đồng quản trị và tuân thủ quy định hiện hành về chứng khoán.

The Company has operated in accordance with the policies, Resolutions of BOD and complied with the current regulations on Securities business.

- Thanh toán mức cổ tức hàng năm cho cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi cổ tức (tỷ lệ chi trả cổ tức 7%/mệnh giá) cho năm 2021 và 2022: 94,251,643,836 VND.

Payment for shareholders who own dividend preference shares (dividend payment rate 7%/par value) in 2021 and 2022: 94,251,643,836 VND.

✦ Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc Công ty/Assessment of BOD on General Director's performance.

- Hội đồng quản trị cũng đánh giá cao tinh thần của Ban Giám đốc trong việc điều hành các hoạt động kinh doanh của Công ty trong suốt năm 2023.

BOD appreciates the performance of the Board of Directors in management of the business operation of the Company in 2023.

✦ Các kế hoạch, định hướng của Công ty năm 2024/Plans, orientations of the Company in 2024

- Trong năm 2024, MAS tiếp tục đẩy mạnh mở rộng hoạt động môi giới chứng khoán. Mục tiêu nâng thị phần môi giới cổ phiếu, chứng chỉ quỹ và chứng quyền có bảo đảm trên sàn HOSE của Công ty vào Top 5.

Throughout 2024, MAS will continue to expand its securities brokerage activities vigorously. Our goal is to increase market share in brokering stocks, fund certificates, and secured warrants on the HOSE exchange, aiming to place the Company within the Top 5.

- Công ty tiếp tục đẩy mạnh đầu tư vào hệ thống và đội ngũ công nghệ đồng thời nỗ lực tuân thủ các quy định thử nghiệm hệ thống KRX. Ngoài ra, Công ty còn đang xây dựng hệ thống phần mềm của riêng mình với sự hỗ trợ từ Tập đoàn mẹ đến từ Hàn Quốc nhằm đưa MAS trở thành một trong những công ty chứng khoán có hệ thống giao dịch tốt hàng đầu thị trường, đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng.

We will persist in investing in our system and technology team and strive to comply with the testing regulations of the KRX system. Additionally, we are constructing our own software system with support from our parent company in South Korea to develop MAS into one of the leading securities firms with the best trading system in the market, meeting all customer needs.

- Bên cạnh kênh môi giới truyền thống, công ty còn đang triển khai và phát triển kênh giao dịch không môi giới để đón đầu làn sóng đầu tư vào thị trường chứng khoán của đông đảo nhà đầu tư cá nhân mới tham gia thị trường. Ngoài ra, MAS đã chuẩn bị mọi nguồn lực cần thiết bao gồm khả năng nhân lực và tài chính để phục vụ tổ chức nước ngoài.

Besides the traditional brokerage channel, we are also deploying and developing non-brokerage trading channels to prepare for the investment wave of many new individual investors entering the market. Moreover, MAS has prepared on human resources and finances to serve foreign organizations.

- Tăng cường nhận diện thương hiệu MAS thông qua các hoạt động marketing, tư vấn, phân tích và các sản phẩm, công nghệ.

We will enhance the recognition of the MAS brand through marketing activities, consultancy, analysis, and various technological products.

- Tăng cường công tác quản trị rủi ro, nhằm mang lại sự an toàn trong sản phẩm, hoạt động của MAS, từ đó an toàn cho chính khách hàng của MAS.

Furthermore, we will strengthen risk management to ensure the safety of MAS's products and operations, thereby protecting our customers.

- Với triết lý kinh doanh “Đổi mới vĩnh viễn”, Mirae Asset sẽ lựa chọn “Tiếp tục phát triển mạnh mẽ cho năm 2024”.

With the business philosophy of "Permanent Innovation," Mirae Asset will continue to grow strongly in 2024.

V. QUẢN TRỊ CÔNG TY/ CORPORATE GOVERNANCE

1. Hội đồng quản trị/Board of Directors

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ Members and structure of the Board of Directors:

STT/No	Thành viên HĐQT/Member of BOD	Chức vụ /Title	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ Date of starting/no longer being a member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm/ Date of appointment	Ngày miễn nhiệm/ Dismissal date
1	Ông/Mr Seol Kyung Suk	Chủ tịch Hội đồng Quản trị/Chairman of BOD	27/9/2021	
2	Ông/Mr Kang Moon Kyung	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Member of BOD	27/9/2021	
3	Ông/Mr Kim Sang Joon	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Member of BOD	27/9/2021	13/4/2023
4	Ông/Mr Kye Kyoung Tae	Thành viên Hội đồng Quản trị/ Member of BOD	13/4/2023	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/the committees of the Board of Directors: không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/Activities of the Board of Directors:

STT No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/ Decision No.	Ngày Date	Nội dung Agenda	Tỷ lệ thông qua The voting rate
1	01/2023/NQ- MAS-HĐQT	28/2/2023	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên	100%

			năm 2023 và chương trình Đại hội. <i>Approve on the date of finalizing shareholder list, in which shareholders are eligible to attend the FY2023 Annual General Shareholder and agenda</i>	
2	02/2023/NQ-MAS-HĐQT	12/5/2023	Thông qua thay đổi địa điểm kinh doanh chi nhánh Cần Thơ <i>Approve the change of address of Can Tho Branch</i>	100%
3	06/2023/NQ-MAS-HĐQT	13/6/2023	Thông qua thay đổi Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh <i>Approve the change of head of Ho Chi Minh City Branch</i>	100%
4	07/2023/NQ-MAS-HĐQT	13/6/2023	Thông qua việc điều chỉnh thông tin Giám đốc chi nhánh Hồ Chí Minh <i>Approve the change of information of head of Ho Chi Minh City Branch</i>	100%
5	12/2023/NQ-MAS-HĐQT	17/11/2023	Thông qua ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông bất thường lần 2 năm 2023 và chương trình Đại hội. <i>Approve on the date of finalizing shareholder list, in which shareholders are eligible to attend the 2nd Y2023 Extraordinary General Meeting and agenda</i>	100%

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/ *Activities of the Board of Directors independent members: không có*

2. Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee:

STT No	Thành viên BKS Member of IC	Chức vụ Title	Ngày bổ nhiệm Appointment date
1	Ông/Mr Ko Young Wan	Trưởng BKS Head of IC	27/9/2021
2	Bà/Mrs Dương Tuyết Mai	Thành viên BKS Member of IC	28/7/2022
3	Bà/Mrs Ngô Thị Trúc Linh	Thành viên BKS Member of IC	27/9/2021

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/ *Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee:*

STT No	Thành viên BKS Member of IC	Số buổi họp dự tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Meeting attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết The voting rate
1	Ông/Mr Ko Young Wan	02	100%	100%
2	Bà/Mrs Dương Tuyết Mai	02	100%	100%
3	Bà/Mrs Ngô Thị Trúc Linh	02	100%	100%

Trong năm 2023, BKS đã thực hiện 02 cuộc họp BKS với các nội dung sau/ *In 2023, the Supervisory Board held 02 meeting of the Supervisory Board with the following contents:*

- Kiểm tra toàn diện tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và tuân thủ pháp luật của Công Ty trong năm 2023;
Inspection of the Company's business operations, financial position and legal compliance in 2023;
- Kiểm tra giao dịch giữa Công Ty với người liên quan của Công Ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ.
Check transactions between the Company and related persons of the Company in accordance with the provisions of law and the Charter.
- Cùng với đó, BKS được mời tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội Đồng Quản Trị, qua đó kịp thời nắm bắt được tình hình hoạt động của Công Ty cũng như thực hiện tốt vai trò, trách nhiệm của BKS.

Besides that, Supervisory Board was invited to attend all the meetings of Board of Directors, thereby timely grasping the operation situation of the Company as well as performing well the roles and responsibilities of the Supervisory Board.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee: không có

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH

1. Kiến Kiểm toán/*Auditor's opinions*



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng Khoán Mirae Asset (Việt Nam) ("Công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2023, và được Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 25 tháng 3 năm 2024. Báo cáo tài chính này bao gồm: báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo kết quả hoạt động, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu, từ trang 15 đến trang 79.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc của Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Trần Thị Thanh Trúc
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
3047-2024-006-1
Chữ ký được ủy quyền

Đoàn Trần Phương Thảo
Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:
4701-2024-006-1

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM14807
Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 3 năm 2024

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/Audited financial statements

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
	TÀI SẢN			
100	TÀI SẢN NGẮN HẠN		19.639.422.039.208	18.710.508.170.744
110	Tài sản tài chính		19.549.444.298.470	18.639.708.182.446
111	Tiền và các khoản tương đương tiền	3.1	3.388.477.827.221	2.434.241.143.151
111.1	Tiền		38.477.827.221	49.241.143.151
111.2	Các khoản tương đương tiền		3.350.000.000.000	2.385.000.000.000
112	Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (FVTPL)	3.2(a)	408.119.235.111	74.885.909.405
113	Các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn (HTM)	3.2(b)	880.000.000.000	2.225.424.300.000
114	Các khoản cho vay	3.3(a)	14.672.891.700.636	13.598.499.556.675
115	Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (AFS)	3.2(c)	262.154.027.074	290.931.697.499
116	Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	3.3(b)	(127.288.943.700)	(65.000.000.000)
117	Các khoản phải thu	3.4	44.047.149.627	67.452.724.775
117.1	Phải thu bán các tài sản tài chính		508.370.000	20.259.000
117.2	Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		43.538.779.627	67.432.465.775
117.4	Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận		43.538.779.627	67.432.465.775
118	Trả trước cho người bán		12.224.165.432	7.588.545.655
119	Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	3.4	4.628.849.503	3.223.322.782
122	Các khoản phải thu khác	3.4	4.190.287.566	2.460.982.504
130	Tài sản ngắn hạn khác		89.977.740.738	70.799.988.298
131	Tạm ứng		137.773.610	224.156.004
133	Chi phí trả trước ngắn hạn	3.6(a)	48.827.586.419	34.563.451.585
134	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn		200.000	200.000
137	Tài sản ngắn hạn khác	3.8(a)	41.012.180.709	36.012.180.709
200	TÀI SẢN DÀI HẠN		344.338.714.788	114.969.994.477
210	Tài sản tài chính dài hạn		250.572.618.000	20.572.618.000
212	Các khoản đầu tư		250.572.618.000	20.572.618.000
212.1	Các khoản đầu tư HTM	3.2(b)	250.000.000.000	20.000.000.000
212.4	Đầu tư dài hạn khác	3.5	572.618.000	572.618.000
220	Tài sản cố định		42.449.596.192	29.184.485.893
221	Tài sản cố định hữu hình	3.7(a)	23.655.850.595	16.554.962.962
222	Nguyên giá		57.562.914.418	43.014.220.838
223a	Giá trị khấu hao lũy kế		(33.907.063.823)	(26.459.257.876)
227	Tài sản cố định vô hình	3.7(b)	18.793.745.597	12.629.522.931
228	Nguyên giá		43.283.221.097	31.450.833.383
229a	Giá trị khấu hao lũy kế		(24.489.475.500)	(18.821.310.452)
250	Tài sản dài hạn khác		51.316.500.596	65.212.890.584
251	Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn		11.644.340.874	11.253.851.957
252	Chi phí trả trước dài hạn	3.6(b)	11.879.518.514	20.713.217.425
253	Tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hoãn lại	3.13	-	7.973.316.257
254	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	3.8(b)	17.690.764.818	15.190.764.818
255	Tài sản dài hạn khác	3.8(c)	10.101.876.390	10.081.740.127
270	TỔNG TÀI SẢN		19.983.760.753.996	18.825.478.165.221

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 79 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
300	NỢ PHẢI TRẢ		10.286.605.466.521	9.632.736.736.689
310	Nợ phải trả ngắn hạn		10.272.022.307.301	9.629.881.744.064
311	Vay ngắn hạn		9.718.288.000.000	9.105.550.000.000
312	Vay ngắn hạn	3.9	9.718.288.000.000	9.105.550.000.000
320	Phải trả người bán ngắn hạn		5.645.786.021	1.086.760.616
321	Người mua trả tiền trước		50.000.000	50.000.000
322	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	3.10	80.528.957.025	97.119.336.402
324	Các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		338.152.700	274.946.940
325	Chi phí phải trả ngắn hạn	3.11	157.388.987.686	227.628.755.030
327	Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		44.818.182	44.818.182
329	Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn	3.12	309.737.605.687	198.127.126.894
340	Nợ phải trả dài hạn		14.583.159.220	2.854.992.625
354	Dự phòng phải trả dài hạn		5.737.544.736	2.854.992.625
356	Thuế TNDN hoãn lại phải trả	3.13	8.845.614.484	-
400	VỐN CHỦ SỞ HỮU		9.697.155.287.475	9.192.741.428.532
410	Vốn chủ sở hữu		9.697.155.287.475	9.192.741.428.532
411	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	3.14	6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
411.1	Vốn góp của chủ sở hữu		6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
411.1a	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		5.455.500.000.000	5.455.500.000.000
411.1b	Cổ phiếu ưu đãi		1.135.000.000.000	1.135.000.000.000
412	Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	3.15	39.944.192.733	22.390.729.073
417	Lợi nhuận chưa phân phối	3.16	3.066.711.094.742	2.579.850.699.459
417.1	Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện		3.069.793.277.084	2.590.464.449.240
417.2	Lỗ chưa thực hiện		(3.082.182.342)	(10.613.749.781)
440	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		19.983.760.753.996	18.825.478.165.221

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 79 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Tại ngày	
			31.12.2023	31.12.2022
A TÀI SẢN CỦA CÔNG TY CHỨNG KHOÁN VÀ TÀI SẢN QUẢN LÝ THEO CAM KẾT				
			<i>Theo mệnh giá (VND)</i>	
008	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam ("VSDC") của công ty chứng khoán	4.1	157.016.060.000	67.252.470.000
009	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của công ty chứng khoán		1.680.000	6.090.000
012	Tài sản tài chính chưa lưu ký tại VSDC của công ty chứng khoán	4.2	198.462.950.000	231.999.060.000
013	Tài sản tài chính được hưởng quyền của công ty chứng khoán		250.000	240.000

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 79 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Tại ngày	
		31.12.2023	31.12.2022
B	TÀI SẢN VÀ CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VỀ TÀI SẢN QUẢN LÝ CAM KẾT VỚI KHÁCH HÀNG	<i>Theo mệnh giá (VND)</i>	
021	Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của nhà đầu tư	35.642.949.490.000	34.007.943.332.000
021.1	<i>Tài sản tài chính giao dịch tự do chuyển nhượng</i>	32.787.211.820.000	30.495.595.282.000
021.2	<i>Tài sản tài chính hạn chế chuyển nhượng</i>	323.704.780.000	142.217.340.000
021.3	<i>Tài sản tài chính giao dịch cầm cố</i>	1.202.232.030.000	2.344.152.490.000
021.4	<i>Tài sản tài chính phong tỏa, tạm giữ</i>	362.667.300.000	362.667.300.000
021.5	<i>Tài sản tài chính chờ thanh toán</i>	967.133.560.000	663.310.920.000
022	Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch của nhà đầu tư	429.109.770.000	1.003.603.860.000
022.1	<i>Tài sản tài chính đã lưu ký tại VSDC và chưa giao dịch, tự do chuyển nhượng</i>	429.109.770.000	1.003.603.860.000
025	Tài sản tài chính được hưởng quyền của nhà đầu tư	210.702.440.000	39.883.980.000
		<i>Theo giá trị (VND)</i>	
026	Tiền gửi của khách hàng	4.431.823.846.315	3.113.611.787.872
027	<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	3.285.323.142.515	1.906.440.727.762
027.1	<i>Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC</i>	1.329.550.392.102	281.277.184.933
028	Tiền gửi tổng hợp giao dịch chứng khoán cho khách hàng	1.146.500.703.800	1.207.171.060.110
031	Phải trả nhà đầu tư về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý	4.431.823.846.315	3.113.611.787.872
031.1	<i>Phải trả nhà đầu tư trong nước về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	3.016.608.325.623	2.633.748.388.424
031.2	<i>Phải trả nhà đầu tư nước ngoài về tiền gửi giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	1.415.215.520.692	479.863.399.448


Cao Thị Bảo Lê
Người lập/Kế toán trưởng


Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính




Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 79 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
DOANH THU HOẠT ĐỘNG				
1	Lãi từ các tài sản tài chính FVTPL		142.496.526.455	260.670.044.285
01.1	<i>Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	5.1	121.715.501.556	260.212.643.379
01.2	<i>Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	5.2	14.009.493.766	375.061.189
01.3	<i>Cổ tức, tiền lãi phát sinh từ tài sản tài chính FVTPL</i>	5.3	6.771.531.133	82.339.717
02	Lãi từ các khoản đầu tư HTM	5.3	291.766.218.572	198.824.576.192
03	Lãi từ các khoản cho vay và phải thu	5.3	1.434.405.112.876	1.431.376.466.493
04	Lãi từ tài sản tài chính AFS	5.3	739.629.500	2.476.556.500
06	Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.4	586.058.734.285	714.568.965.470
07	Doanh thu nghiệp vụ bảo lãnh, đại lý phát hành chứng khoán		4.000.000.000	-
08	Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán		7.949.010.456	8.022.817.007
09	Doanh thu nghiệp vụ lưu ký chứng khoán		21.847.834.275	15.237.758.815
11	Thu nhập hoạt động khác		8.531.551.258	9.041.107.277
20	TỔNG DOANH THU HOẠT ĐỘNG		2.497.794.617.677	2.640.218.292.039
CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG				
21	Lỗ từ các tài sản tài chính FVTPL		(107.722.731.361)	(205.161.067.898)
21.1	<i>Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL</i>	5.1	(101.244.805.034)	(180.475.301.434)
21.2	<i>Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL</i>	5.2	(6.477.926.327)	(24.685.766.464)
24	Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay	5.5	(919.595.721.174)	(725.432.524.102)
26	Chi phí hoạt động tự doanh	5.6	(10.939.349.618)	(8.130.544.995)
27	Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	5.6	(588.642.813.421)	(636.670.613.652)
30	Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	5.6	(24.829.647.958)	(18.228.186.179)
32	Chi phí các dịch vụ khác	5.6	(230.527)	-
40	TỔNG CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG		(1.651.730.494.059)	(1.593.622.936.826)


Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 79 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG
(tiếp theo)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
CHI PHÍ TÀI CHÍNH				
51	Chênh lệch lỗ tỷ giá hối chưa thực hiện		-	(2.891.000.000)
60	TỔNG CHI PHÍ TÀI CHÍNH		-	(2.891.000.000)
62	CHI PHÍ QUẢN LÝ CÔNG TY CHỨNG KHOÁN	5.7	(123.754.507.684)	(119.751.790.552)
70	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG		722.309.615.934	923.952.564.661
THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC				
71	Thu nhập khác		288.603.327	263.702.390
72	Chi phí khác		(566.035)	(311.877.766)
80	TỔNG KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHÁC		288.037.292	(48.175.376)
90	TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		722.597.653.226	923.904.389.285
91	Lợi nhuận đã thực hiện		715.066.085.787	948.215.094.560
92	Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	5.2	7.531.567.439	(24.310.705.275)
100	CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ("TNDN")	5.8	(156.287.257.943)	(171.320.855.208)
100.1	Chi phí thuế TNDN - hiện hành		(143.856.693.117)	(184.368.625.949)
100.2	Chi phí/(thu nhập) thuế TNDN - hoãn lại	3.13	(12.430.564.826)	13.047.770.741
200	LỢI NHUẬN KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		566.310.395.283	752.583.534.077
300	THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN KHÁC SAU THUẾ TNDN		17.553.463.660	(78.267.498.229)
301	Lãi/(lỗ) từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS sau thuế TNDN		17.553.463.660	(78.267.498.229)
400	TỔNG THU NHẬP/(LỖ) TOÀN DIỆN		17.553.463.660	(78.267.498.229)


Cao Thị Bảo Lê
Người lập/Kế toán trưởng


Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính


Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2024



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN		722.597.653.226	923.904.389.285
02	Điều chỉnh cho các khoản:		670.541.714.932	389.363.069.541
03	Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ")	3.7	13.115.970.995	10.097.961.837
04	Các khoản dự phòng	5.5	62.288.943.700	65.000.000.000
05	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		-	2.891.000.000
06	Chi phí lãi vay	5.5	638.675.579.864	378.806.573.479
08	Dự thu tiền lãi		(43.538.779.627)	(67.432.465.775)
10	Biến động các chi phí phi tiền tệ		6.477.926.327	24.685.766.464
11	Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		6.477.926.327	24.685.766.464
18	Biến động các doanh thu phi tiền tệ		(14.009.493.766)	(375.061.189)
19	Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại giá trị các tài sản tài chính FVTPL		(14.009.493.766)	(375.061.189)
30	Tổng thay đổi vốn lưu động		1.022.715.176.773)	2.604.353.017.182
31	(Tăng)/giảm tài sản tài chính FVTPL		(325.701.758.267)	92.233.823.756
32	Giảm/(tăng) các khoản đầu tư HTM		1.115.424.300.000	(693.424.300.000)
33	(Tăng)/giảm các khoản cho vay		(1.074.392.143.961)	3.683.666.505.421
34	Giảm các tài sản tài chính AFS		46.331.134.085	127.338.850.422
35	(Tăng)/giảm phải thu bán các tài sản tài chính		(488.111.000)	1.067.648.000
36	Giảm phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính		67.432.465.775	48.879.426.596
37	Tăng các khoản phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp		(1.405.526.721)	(1.324.739.322)
39	Tăng các khoản phải thu khác		(6.278.542.445)	(193.901.513)
40	Tăng các tài sản khác		(7.910.625.180)	(6.281.124.183)
41	Giảm chi phí phải trả (không bao gồm chi phí lãi vay)		(78.306.651.672)	(15.380.948.684)
42	Tăng chi phí trả trước		(5.430.435.923)	(5.180.113.039)
43	Thuế TNDN đã nộp	3.10	(144.080.014.518)	(208.688.080.539)
44	Lãi vay đã trả		(630.608.695.536)	(393.768.662.768)
45	Giảm phải trả cho người bán		(428.116.013)	(3.072.143.703)
46	Tăng/(giảm) các khoản trích nộp phúc lợi nhân viên		63.205.760	(208.820.560)
47	(Giảm)/tăng thuế và các khoản phải nộp Nhà nước (không bao gồm thuế TNDN đã nộp)		(16.367.057.976)	12.923.631.980
50	Tăng/(giảm) phải trả, phải nộp khác		39.431.396.819	(34.234.034.682)
60	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		362.892.623.946	3.941.931.181.283
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
61	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ		(21.393.939.876)	(9.599.745.325)
70	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(21.393.939.876)	(9.599.745.325)

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 79 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)


Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm tài chính kết thúc ngày	
			31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
73	Tiền vay khác	3.9	35.094.137.473.250	28.449.794.958.100
74	Tiền chi trả nợ gốc vay khác	3.9	(34.481.399.473.250)	(31.420.549.958.100)
80	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		612.738.000.000	(2.970.755.000.000)
90	Tăng tiền thuần trong năm		954.236.684.070	961.576.435.958
101	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm		2.434.241.143.151	1.472.664.707.193
101	Tiền		49.241.143.151	15.964.707.193
101	Các khoản tương đương tiền		2.385.000.000.000	1.456.700.000.000
103	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm	3.1	3.388.477.827.221	2.434.241.143.151
103.1	Tiền		38.477.827.221	49.241.143.151
103.2	Các khoản tương đương tiền		3.350.000.000.000	2.385.000.000.000

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 79 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
(tiếp theo)

PHẦN LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HOẠT ĐỘNG MÔI GIỚI, ỦY THÁC CỦA KHÁCH HÀNG

Mã số	CHỈ TIÊU	Năm tài chính kết thúc ngày	
		31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
	Lưu chuyển tiền từ hoạt động môi giới, ủy thác của khách hàng		
01	Tiền thu bán chứng khoán môi giới cho khách hàng	204.469.993.995.391	250.129.282.774.370
02	Tiền chi mua chứng khoán môi giới cho khách hàng	(198.240.161.738.654)	(242.641.283.400.930)
07	Nhận tiền gửi để thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	341.041.264.843.049	422.149.506.864.136
07.1	<i>Tiền gửi kỳ quỹ của khách hàng tại VSDC</i>	<i>1.048.273.207.169</i>	<i>33.100.454.080</i>
08	Chi trả thanh toán giao dịch chứng khoán của khách hàng	(345.952.885.041.342)	(430.500.205.118.534)
20	Tăng/(giảm) tiền thuần trong năm	1.318.212.058.444	(862.698.880.958)
30	Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm của khách hàng	3.113.611.787.871	3.976.310.668.830
31	Tiền gửi ngân hàng	3.113.611.787.871	3.976.310.668.830
32	<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>1.906.440.727.761</i>	<i>1.941.772.039.630</i>
34	<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.207.171.060.110</i>	<i>2.034.538.629.200</i>
40	Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm của khách hàng	4.431.823.846.315	3.113.611.787.872
41	Tiền gửi ngân hàng	4.431.823.846.315	3.113.611.787.872
42	<i>Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán theo phương thức công ty chứng khoán quản lý</i>	<i>3.285.323.142.515</i>	<i>1.906.440.727.762</i>
44	<i>Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán</i>	<i>1.146.500.703.800</i>	<i>1.207.171.060.110</i>


Cao Thị Bảo Lê
Người lập/Kế toán trưởng


Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính




Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B04 – CTCK

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Chi tiêu	Tại ngày		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022		Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023		Tại ngày	
	1.1.2022	1.1.2023	Tăng	Giảm	Tăng	Giảm	31.12.2022	31.12.2023
	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND	VND
I. Biến động vốn chủ sở hữu								
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	6.590.500.000.000	6.590.500.000.000	-	-	-	-	6.590.500.000.000	6.590.500.000.000
1.1 Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	5.455.500.000.000	5.455.500.000.000	-	-	-	-	5.455.500.000.000	5.455.500.000.000
1.2 Cổ phiếu ưu đãi	1.135.000.000.000	1.135.000.000.000	-	-	-	-	1.135.000.000.000	1.135.000.000.000
3. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	94.953.813.173	-	-	(94.953.813.173)	-	-	-	-
4. Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ	94.953.813.173	-	-	(94.953.813.173)	-	-	-	-
5. Chính sách đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý	100.658.227.302	22.390.729.073	-	(78.267.498.229)	17.553.463.660	-	22.390.729.073	39.944.192.733
5.1 (Lãi)/lãi từ đánh giá lại các tài sản tài chính AFS ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	-	-	-	(14.391.746.438)	17.553.463.660	-	-	-
5.2 Phân loại vào báo cáo kết quả hoạt động khi thanh lý (Thuyết minh 3.15)	-	-	-	(63.875.751.791)	-	-	-	-
8. Lợi nhuận chưa phân phối	1.716.809.539.036	2.579.850.699.459	967.176.926.887	(104.135.766.464)	572.788.321.610	(85.927.926.327)	2.579.850.699.459	3.066.711.094.742
8.1 Lợi nhuận đã thực hiện	1.703.112.583.542	2.590.464.449.240	966.801.865.698	(79.450.000.000)	558.778.827.844	(79.450.000.000)	2.590.464.449.240	3.069.793.277.084
8.2 Lợi nhuận(lãi) chưa thực hiện	13.696.955.494	(10.613.749.781)	375.061.189	(24.685.766.464)	14.009.493.766	(6.477.926.327)	(10.613.749.781)	(3.082.182.342)
Tổng cộng	8.597.875.392.684	9.192.741.428.532	967.176.926.887	(372.310.891.039)	590.341.785.270	(85.927.926.327)	9.192.741.428.532	9.697.155.287.475

Huh Hong Suk

Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính



Kang Moon Kyung

Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc
Ngày 25 tháng 3 năm 2024

Cao Thị Bảo Lê

Cao Thị Bảo Lê
Người lập/Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 15 đến trang 79 là một phần cấu thành báo cáo tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) (“Công ty”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 73/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam cấp ngày 18 tháng 12 năm 2007. Giấy phép chuyển đổi số 121/GP-UBCK ngày 8 tháng 1 năm 2016 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp nhằm chuyển đổi loại hình doanh nghiệp từ Công ty Cổ phần sang Công ty Trách nhiệm hữu hạn Một thành viên. Căn cứ Quyết định số 574/QĐ-UBCK ngày 16 tháng 9 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty TNHH Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam) chuyển đổi loại hình doanh nghiệp thành Công ty cổ phần. Giấy phép thành lập và hoạt động đã được điều chỉnh nhiều lần và lần gần nhất số 14/GPĐC-UBCK ngày 11 tháng 3 năm 2024.

Trụ sở chính và thông tin liên hệ

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 7, Tòa nhà Le Meridien, 3C Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thông tin liên hệ:

Email: congbothongtin@miraeasset.com.vn

Điện thoại: (+84 28) 3910 2222

Điều lệ hoạt động

Điều lệ hoạt động mới nhất của Công ty được Đại hội đồng Cổ đông thông qua và có hiệu lực từ ngày 2 tháng 1 năm 2024.

Số lượng nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty có 577 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 531 nhân viên).

Quy mô vốn

	Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 (“ngày báo cáo”) VND
Vốn điều lệ của Công ty	6.590.500.000.000
Tổng vốn chủ sở hữu	9.697.155.287.475
Tổng tài sản	<u>19.983.760.753.996</u>

Mục tiêu đầu tư và hạn chế đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Công ty là tối ưu hóa lợi nhuận. Danh mục đầu tư của Công ty và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Công ty và pháp luật chứng khoán hiện hành.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY (tiếp theo)

Cấu trúc của Công ty và lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1 trụ sở chính và 9 chi nhánh trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty là tự doanh chứng khoán, môi giới chứng khoán, tư vấn đầu tư chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán và lưu ký chứng khoán.

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1 Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Thông tư 210/2014/TT-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2014 (“Thông tư 210/2014/TT-BTC”), Thông tư 334/2016/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2016 (“Thông tư 334/2016/TT-BTC”), Công văn 6190/BTC-CĐKT ngày 12 tháng 5 năm 2017 (“Công văn 6190/BTC-CĐKT”) và Thông tư 23/2018/TT-BTC ngày 12 tháng 3 năm 2018 (“Thông tư 23/2018/TT-BTC”) do Bộ Tài chính ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình biến động vốn chủ sở hữu theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

Báo cáo tài chính được lập theo nguyên tắc giá gốc, ngoại trừ các tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) và tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) được đo lường và ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá trị trường).

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty chứng khoán hoạt động tại Việt Nam yêu cầu Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu và việc trình bày các công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày báo cáo, cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.2 Ước tính kế toán trọng yếu (tiếp theo)

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính bao gồm:

- Giá trị thị trường/giá trị hợp lý của các tài sản tài chính (Thuyết minh 2.7, Thuyết minh 3.2(a) và Thuyết minh 3.2(c));
- Dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM và các khoản cho vay (Thuyết minh 2.7, Thuyết minh 3.2(b) và Thuyết minh 3.3);
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định (Thuyết minh 2.11 và Thuyết minh 3.7); và
- Thời gian hữu dụng ước tính của chi phí trả trước (Thuyết minh 2.13 và Thuyết minh 3.6).

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

2.3 Hệ thống và hình thức sổ kế toán áp dụng

Công ty sử dụng phần mềm kế toán theo hình thức nhật ký chung để ghi sổ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh.

2.4 Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và được trình bày trên báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam ("VND"), cũng là đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày báo cáo, ngoại trừ các khoản vay mà Công ty đã sử dụng công cụ tài chính để phòng ngừa rủi ro tỷ giá hối đoái, lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày báo cáo. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày báo cáo được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.6 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng của công ty chứng khoán, và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày mua, có tính thanh khoản cao, có thể chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán và tiền gửi của tổ chức phát hành được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính.

2.7 Tài sản tài chính

(a) Phân loại và đo lường

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ ("FVTPL")

Tài sản tài chính FVTPL là các tài sản tài chính được nắm giữ cho mục đích kinh doanh hoặc do Tổng Giám đốc xác định từ ban đầu là được ghi nhận thông qua lãi/lỗ.

Một tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:

- Được mua hoặc tạo ra chủ yếu cho mục đích bán lại/mua lại trong thời gian ngắn; hoặc
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu nó là một phần của một danh mục các công cụ tài chính cụ thể được quản lý và có bằng chứng về việc kinh doanh danh mục đó để nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
- Nó là một công cụ phái sinh (ngoại trừ các công cụ phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Tổng Giám đốc sẽ chỉ định một tài sản tài chính là tài sản tài chính FVTPL nếu việc phân loại này sẽ làm các thông tin về tài sản tài chính được trình bày một cách hợp lý hơn vì một trong các lý do sau đây:

- Nó loại trừ hoặc làm giảm đáng kể sự không thống nhất trong ghi nhận hoặc xác định giá trị (còn được gọi là sự "không thống nhất kế toán") mà sự không thống nhất này có thể bắt nguồn từ việc xác định giá trị của các tài sản hoặc ghi nhận lãi hoặc lỗ theo các cơ sở khác nhau; hoặc
- Một nhóm các tài sản tài chính được quản lý và kết quả quản lý của nó được đánh giá dựa trên cơ sở giá trị và phù hợp với chính sách quản lý rủi ro hoặc chiến lược đầu tư đã được quy định và thông tin về nhóm tài sản này được cung cấp nội bộ cho những người quản lý quan trọng của Công ty (được nêu rõ trong Chuẩn mực kế toán – Thuyết minh về các bên liên quan), ví dụ như Tổng Giám đốc của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(i) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (tiếp theo)

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các chi phí mua các tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngay khi phát sinh.

Sau ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận theo giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không có giá thị trường). Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc thay đổi giá trị của các tài sản tài chính này được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trên báo cáo kết quả hoạt động.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

Các khoản đầu tư HTM là các tài sản tài chính phi phái sinh mà:

- Việc hoàn trả là cố định hay xác định được;
- Ngày đáo hạn là cố định; và
- Công ty có ý định tích cực và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư HTM không bao gồm:

- Các tài sản tài chính phi phái sinh mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Công ty xếp loại vào nhóm ghi nhận theo giá trị thông qua lãi/lỗ (FVTPL);
- Các tài sản tài chính phi phái sinh đã được Công ty xếp loại vào nhóm sẵn sàng để bán (AFS); và
- Các tài sản tài chính phi phái sinh thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và các khoản phải thu.

Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm các chi phí mua, sau đó ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực (“EIR”).

Phương pháp lãi suất thực là một phương pháp tính toán chi phí phân bổ về thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ liên quan của một tài sản tài chính hoặc một nhóm các tài sản tài chính HTM.

Lãi suất thực là lãi suất chiết khấu chính xác các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc trong năm hạn ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại ròng của tài sản hoặc nợ tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) (tiếp theo)

Giá trị phân bổ của tài sản tài chính HTM được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ khoản dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản đầu tư HTM được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị hoặc khả năng không thu hồi được do một số sự kiện xảy ra sau thời điểm ghi nhận ban đầu gây ảnh hưởng đến dòng tiền ước tính trong tương lai của các khoản đầu tư HTM. Bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Khó khăn trọng yếu về tài chính của tổ chức phát hành hoặc tổ chức giao ước;
- Vi phạm hợp đồng, ví dụ như mất khả năng trả nợ hoặc không thanh toán lãi hoặc gốc đúng hạn;
- Công ty đã đưa ra một số ưu đãi nhượng bộ cho bên đi vay, vì lý do kinh tế hoặc pháp luật liên quan đến khó khăn tài chính của bên đi vay, mà Công ty không thể xem xét hơn được;
- Khả năng phá sản hoặc tái cơ cấu tài chính của bên đi vay là cao;
- Các dữ liệu thu thập được cho thấy có sự suy giảm đo lường được của dòng tiền ước tính trong tương lai phát sinh từ một nhóm các khoản đầu tư HTM kể từ khi ghi nhận ban đầu, mặc dù sự suy giảm đó chưa được xác định cụ thể đối với từng tài sản riêng lẻ trong nhóm, bao gồm:
 - (i) Những thay đổi tiêu cực trong tình hình trả nợ của những người vay trong cùng một nhóm; hoặc
 - (ii) Các điều kiện kinh tế trong nước hoặc địa phương có mối liên quan tới mất khả năng thanh toán đối với các khoản đầu tư HTM trong nhóm.

Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của khoản đầu tư HTM tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản đầu tư HTM được ghi nhận tăng/(giảm) chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

Các khoản đầu tư HTM được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản đầu tư này tại ngày báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(iii) Các khoản cho vay

Các khoản cho vay là các tài sản tài chính phi phái sinh có các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường hoạt động.

Trong năm báo cáo, Công ty có các khoản cho vay bao gồm:

- Cho vay giao dịch ký quỹ: là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán niêm yết trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Theo quy định này, tỷ lệ ký quỹ ban đầu (tỷ lệ giá trị tài sản thực có so với giá trị chứng khoán dự kiến mua được bằng lệnh giao dịch ký quỹ tính theo giá thị trường tại thời điểm giao dịch) do công ty chứng khoán quy định nhưng không được thấp hơn 50%. Số dư cho vay ký quỹ được đảm bảo bởi chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ.
- Cho vay ứng trước tiền bán chứng khoán: là số tiền ứng trước cho nhà đầu tư có giao dịch bán chứng khoán tại ngày giao dịch và/hoặc ngày liền kề sau đó. Các khoản ứng trước này có thời hạn hoàn trả trong vòng hai (2) ngày giao dịch.

Các khoản cho vay được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản cho vay được ghi nhận theo giá trị phân bổ sử dụng phương pháp lãi suất thực ("EIR").

Giá trị phân bổ của các khoản cho vay được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của tài sản tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng (hoặc trừ) các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Tại ngày báo cáo, các khoản cho vay được trích lập dự phòng khi có bằng chứng về việc suy giảm giá trị. Mức trích lập dự phòng suy giảm giá trị được xác định bằng chênh lệch của giá trị thị trường của tài sản đảm bảo và giá trị ghi sổ của khoản cho vay tại ngày báo cáo. Dự phòng/(hoàn nhập) dự phòng suy giảm giá trị các khoản cho vay được ghi nhận tăng/giảm chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán ("AFS")

Các tài sản tài chính AFS bao gồm các tài sản tài chính phi phái sinh mà không được phân loại là FVTPL, HTM, khoản cho vay hay phải thu.

Tài sản tài chính AFS được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí phát sinh trực tiếp liên quan đến việc mua các tài sản tài chính này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Phân loại và đo lường (tiếp theo)

(iv) Các tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (tiếp theo)

Tại ngày báo cáo, tài sản tài chính AFS được trình bày theo giá trị hợp lý. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và các khoản đầu tư mà giá trị không thể xác định một cách đáng tin cậy sẽ được phản ánh theo giá gốc.

Mọi khoản lãi hoặc lỗ phát sinh từ tài sản tài chính AFS khi đánh giá theo giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu (thu nhập toàn diện khác), thông qua việc ghi nhận trên báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu, ngoại trừ các khoản lỗ do suy giảm giá trị tài sản tài chính AFS. Việc ghi nhận như vậy sẽ tiếp tục cho đến khi tài sản tài chính được dừng ghi nhận.

Tại thời điểm dừng ghi nhận, các khoản lãi hoặc lỗ lũy kế trước đây đã được phản ánh vào vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại. Các khoản lãi được tính theo phương pháp lãi suất thực sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động theo quy định của Chuẩn mực Kế toán về ghi nhận doanh thu.

Tại ngày báo cáo, các tài sản tài chính AFS được trích lập dự phòng khi có bất kỳ bằng chứng khách quan nào về việc suy giảm giá trị.

Đối với các công cụ nợ, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị được xác định tương tự các tài sản tài chính HTM.

Đối với các công cụ vốn, bằng chứng khách quan của việc suy giảm giá trị có thể bao gồm:

- Những thay đổi đáng kể có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động của tổ chức phát hành do những thay đổi về công nghệ, thị trường, kinh tế hoặc môi trường pháp lý cho thấy khả năng không thể thu hồi lại giá gốc của công cụ vốn;
- Sự suy giảm đáng kể hoặc kéo dài về giá trị của một khoản đầu tư vào công cụ vốn xuống dưới giá gốc.

Mức trích lập dự phòng được xác định bằng chênh lệch của giá trị có thể thu hồi ước tính và giá trị ghi sổ của tài sản tài chính AFS tại ngày báo cáo.

Lỗ suy giảm giá trị của tài sản tài chính AFS được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trước đây (nếu có), khi có bằng chứng khách quan cho thấy tài sản tài chính AFS bị suy giảm giá trị thì lỗ lũy kế đã được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu sẽ được chuyển sang ghi nhận vào lãi/lỗ như là một bút toán điều chỉnh do phân loại lại mặc dù tài sản đó chưa bị dừng ghi nhận.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(b) Phân loại lại****(i) Phân loại lại khi bán tài sản tài chính không thuộc nhóm FVTPL**

Khi bán các tài sản tài chính không thuộc nhóm tài sản tài chính FVTPL, Công ty phải thực hiện phân loại lại các tài sản tài chính từ các nhóm tài sản khác có liên quan về tài sản tài chính FVTPL trước khi bán. Các chênh lệch đánh giá lại tài sản tài chính AFS lũy kế trong vốn chủ sở hữu sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(ii) Phân loại lại do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ

Công ty được phân loại lại các tài sản tài chính vào nhóm tài sản tài chính khác phù hợp do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, theo đó:

- Tài sản tài chính FVTPL phi phái sinh và không bị yêu cầu phân loại vào nhóm tài sản tài chính FVTPL vào lúc ghi nhận ban đầu có thể được phân loại lại vào nhóm cho vay và phải thu trong một số trường hợp đặc biệt hoặc vào nhóm tiền và tương đương tiền nếu thỏa mãn các điều kiện được phân loại vào nhóm này. Các khoản lãi, lỗ đã ghi nhận do đánh giá lại tài sản tài chính FVTPL trước thời điểm phân loại lại sẽ không được hoàn nhập.
- Nếu do thay đổi dự định hoặc khả năng nắm giữ, việc phân loại một khoản đầu tư vào nhóm nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”) không còn phù hợp thì khoản đầu tư đó phải được chuyển sang nhóm tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) và phải được định giá lại theo giá trị hợp lý. Chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý sẽ được ghi nhận vào lãi/lỗ trên báo cáo kết quả hoạt động như là các điều chỉnh do phân loại lại.

(c) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận

Việc mua và bán các tài sản tài chính được ghi nhận theo ngày thực hiện giao dịch – là ngày Công ty trở thành một bên tham gia trong các điều khoản hợp đồng của công cụ tài chính.

Các tài sản tài chính được chấm dứt ghi nhận khi quyền nhận dòng tiền từ các tài sản tài chính đã hết hạn hoặc về bản chất Công ty đã chuyển giao toàn bộ rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu các tài sản tài chính đó.

Khi Công ty chuyển giao quyền thu tiền phát sinh từ tài sản hoặc đã ký hợp đồng chuyển giao với bên thứ ba, nhưng vẫn chưa chuyển giao phần lớn mọi rủi ro và lợi ích gắn liền với tài sản hoặc chưa chuyển giao quyền kiểm soát đối với tài sản, tài sản vẫn được ghi nhận là tài sản của Công ty. Trong trường hợp đó, Công ty cũng ghi nhận một khoản nợ phải trả tương ứng. Tài sản được chuyển giao và nợ phải trả tương ứng được ghi nhận trên cơ sở phản ánh quyền và nghĩa vụ mà Công ty giữ lại.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)****(d) Ghi nhận ban đầu**

Tài sản tài chính FVTPL được ghi nhận ban đầu theo giá mua không bao gồm các chi phí mua. Các tài sản tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá mua bao gồm các chi phí mua.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0).

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý

Công ty áp dụng nguyên tắc định giá tài sản tài chính theo Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 về chỉ tiêu an toàn tài chính của tổ chức kinh doanh chứng khoán (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”) để làm căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý, cụ thể như sau:

(i) *Cổ phiếu niêm yết trên các Sở giao dịch chứng khoán, cổ phiếu của công ty đại chúng đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch cổ phiếu của công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCoM)*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại căn cứ vào giá đóng cửa của ngày có giao dịch gần nhất tính đến ngày báo cáo.

(ii) *Cổ phiếu đã đăng ký, lưu ký nhưng chưa niêm yết, chưa đăng ký giao dịch tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (“VSDC”)*

Các cổ phiếu này được đánh giá lại theo giá trị trung bình của các giao dịch dựa trên giá giao dịch trong báo giá của tối thiểu ba (3) tổ chức báo giá không phải là người có liên quan tại ngày giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại nhưng không quá một tháng tính đến ngày đánh giá lại. Người quản lý, điều hành của đơn vị được lựa chọn báo giá và người quản lý, điều hành của đơn vị nhận báo giá không phải là người có liên quan theo quy định của Luật Chứng khoán.

(iii) *Trái phiếu niêm yết trên sở giao dịch chứng khoán*

Các trái phiếu này được định giá căn cứ vào giá yết (giá sạch) trên hệ thống giao dịch tại sở giao dịch chứng khoán tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày đánh giá lại cộng lãi lũy kế. Các trái phiếu không có giao dịch trong nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày định giá sẽ được trình bày theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(iv) *Trái phiếu không niêm yết*

Trái phiếu chưa niêm yết được đánh giá lại theo giá mua cộng lãi lũy kế.

(v) *Chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF*

Các chứng chỉ quỹ mở/quỹ ETF được đánh giá lại theo giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ báo cáo gần nhất tính đến ngày báo cáo..

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.7 Tài sản tài chính (tiếp theo)

(e) Căn cứ xác định giá trị thị trường/giá trị hợp lý (tiếp theo)

(vi) Chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi

Các chứng khoán này được định giá dựa trên giá trị sổ sách tại ngày báo cáo gần nhất.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán không thuộc các nhóm nêu trên sẽ được dựa trên việc xem xét tình hình tài chính và giá trị sổ sách của tổ chức phát hành tại ngày báo cáo.

(f) Hạch toán lãi/(lỗ)

Chi phí mua

Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính FVTPL được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm trên báo cáo kết quả hoạt động. Chi phí mua liên quan đến tài sản tài chính khác được hạch toán vào giá gốc của tài sản.

Chi phí bán

Chi phí giao dịch bán các tài sản tài chính được hạch toán vào chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán

Lãi/(lỗ) từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính được hạch toán vào doanh thu/(chi phí) hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động. Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) giảm giá tài sản tài chính

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) suy giảm giá trị tài sản tài chính được ghi tăng/(giảm) chi phí hoạt động trên báo cáo kết quả hoạt động.

2.8 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm những khoản phải thu bán các tài sản tài chính, phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các tài sản tài chính, phải thu phí dịch vụ cung cấp, phải thu về lỗi giao dịch chứng khoán và các khoản phải thu khác. Các khoản phải thu được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng do suy giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi (nếu có).

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.8 Các khoản phải thu (tiếp theo)**

Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất ước tính có thể xảy ra. Các khoản nợ phải thu được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) phát sinh trong năm được hạch toán tăng/(giảm) chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động.

2.9 Hợp đồng tương lai

Hợp đồng tương lai là chứng khoán phái sinh niêm yết, trong đó xác nhận cam kết giữa các bên để thực hiện một trong các giao dịch sau:

- Mua hoặc bán một số lượng tài sản cơ sở nhất định theo một mức giá đã được xác định vào một ngày đã được ấn định trước trong tương lai; hoặc
- Thanh toán khoản chênh lệch giữa giá trị tài sản cơ sở đã xác định trước tại thời điểm giao kết hợp đồng và giá trị tài sản cơ sở tại một ngày được ấn định trước trong tương lai.

Công ty hạch toán các giao dịch liên quan đến hợp đồng tương lai theo hướng dẫn trong Công văn 6190/BTC-CĐKT, cụ thể như sau:

Giao dịch tự doanh

Tiền gửi ký quỹ tự doanh chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản ngắn hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Chứng khoán đem ký quỹ để giao dịch chứng khoán phái sinh không bị dừng ghi nhận mà được theo dõi trên tài khoản chi tiết của cùng loại tài sản tài chính và thuyết minh trên báo cáo tài chính.

Lãi (hoặc lỗ) vị thế của hợp đồng tương lai được xác định và thanh toán hàng ngày dựa trên giá thanh toán cuối ngày hạch toán trừ đi giá thanh toán cuối ngày giao dịch gần nhất. Lãi (hoặc lỗ) vị thế được ghi nhận vào thu nhập (hoặc chi phí) đã thực hiện trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Lãi (hoặc lỗ) bán các tài sản tài chính FVTPL'.

Lãi tiền gửi ngân hàng phát sinh từ tiền gửi ký quỹ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu, dự thu cổ tức, lãi tiền gửi ngân hàng không cố định'.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.9 Hợp đồng tương lai (tiếp theo)

Giao dịch môi giới

Tiền nộp vào Quỹ Bù trừ chứng khoán phái sinh được ghi nhận và trình bày trong chỉ tiêu 'Tài sản dài hạn khác' trên báo cáo tình hình tài chính.

Doanh thu từ phí giao dịch hợp đồng tương lai được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ở chỉ tiêu 'Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán'.

Tiền và tài sản ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh của khách hàng được ghi nhận ngoài báo cáo tình hình tài chính, ở chỉ tiêu 'Tài sản ký quỹ của nhà đầu tư' và 'Tiền gửi ký quỹ của nhà đầu tư tại VSDC'.

2.10 Đầu tư dài hạn khác

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng tại ngày báo cáo.

2.11 Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong năm.

Khấu hao và hao mòn

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần giá trị phải khấu hao trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Giá trị phải khấu hao là nguyên giá của TSCĐ ghi trên báo cáo tài chính trừ đi (-) giá trị thanh lý ước tính của tài sản đó. Thời gian hữu dụng ước tính của các loại tài sản như sau:

Phương tiện vận chuyển	5 năm
Thiết bị văn phòng	4 – 5 năm
Phần mềm vi tính	3 – 5 năm

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.12 Thuê tài sản**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào chi phí hoạt động trong báo cáo kết quả hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm số tiền trả trước để được cung cấp hàng hóa, dịch vụ và công cụ, dụng cụ không đáp ứng tiêu chuẩn để hạch toán là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Chi phí trả trước được ghi nhận theo giá gốc và được kết chuyển vào chi phí hoạt động theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

2.14 Ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn

Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn/dài hạn được ghi nhận khi Công ty thanh toán khoản tiền ký quỹ, ký cược theo điều khoản hợp đồng và được phân loại là tài sản ngắn hạn/dài hạn khác.

2.15 Nợ phải trả**(a) Ghi nhận/chấm dứt ghi nhận**

Nợ phải trả được ghi nhận khi Công ty phát sinh nghĩa vụ từ việc nhận về một tài sản, tham gia một cam kết hoặc phát sinh các nghĩa vụ pháp lý khi ký kết hợp đồng giao dịch. Nợ phải trả được chấm dứt ghi nhận khi Công ty đã hoàn thành nghĩa vụ phát sinh. Các khoản phải trả được ghi nhận trên cơ sở dồn tích và thận trọng.

(b) Phân loại

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- Nợ vay;
- Trái phiếu phát hành;
- Phải trả liên quan đến hoạt động giao dịch chứng khoán;
- Phải trả người bán gồm các khoản phải trả phát sinh từ giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ; và
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại và không liên quan đến giao dịch mua các tài sản tài chính, hàng hóa và dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.16 Nguyên tắc bù trừ tài sản tài chính và nợ tài chính

Nợ phải trả tài chính của Công ty là các nghĩa vụ mang tính bắt buộc để thanh toán tiền hoặc tài sản tài chính cho đơn vị khác hoặc trao đổi các tài sản tài chính hoặc nợ phải trả tài chính với đơn vị khác theo các điều kiện không có lợi cho Công ty hoặc là các hợp đồng có thể được thanh toán bằng các công cụ vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tài sản tài chính và nợ tài chính được trình bày theo giá trị thuần trên báo cáo tài chính trong trường hợp Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ và có dự định thanh toán trên cơ sở thuần, hoặc để cùng lúc thanh toán một tài sản và một khoản nợ phải trả.

2.17 Các khoản vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng và bên liên quan. Các khoản vay được trình bày theo giá gốc tại ngày báo cáo.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tình hình tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày báo cáo.

2.18 Thuế thu nhập của nhà đầu tư

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, đối với nhà đầu tư tổ chức nước ngoài, Công ty có trách nhiệm giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế nhà thầu thay cho nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư cá nhân (kể cả cá nhân cư trú và cá nhân không cư trú), Công ty cần giữ lại 0,1% số tiền giao dịch để nộp thuế thu nhập cá nhân thay cho nhà đầu tư. Công ty sẽ kê khai và nộp thuế cho các nhà đầu tư. Đối với nhà đầu tư tổ chức trong nước, Công ty không giữ lại tiền thuế trên số tiền giao dịch mà chính các tổ chức trong nước này tự chịu trách nhiệm kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập này.

2.19 Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong năm nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, và được ghi nhận vào chi phí trong năm.

2.20 Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới, phát sinh từ các sự kiện đã xảy ra; việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể dẫn đến sự giảm sút những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.20 Các khoản dự phòng (tiếp theo)

Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối năm này và khoản dự phòng đã lập chưa sử dụng ở cuối năm trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí hoạt động trong năm.

2.21 Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Lao động Việt Nam, người lao động của Công ty đã làm việc thường xuyên đủ 12 tháng trở lên được hưởng khoản trợ cấp thôi việc. Thời gian làm việc để tính trợ cấp thôi việc là tổng thời gian người lao động đã làm việc thực tế cho Công ty trừ đi thời gian người lao động đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc.

Trợ cấp thôi việc của người lao động được trích trước cuối mỗi kỳ kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc dựa trên mức lương bình quân theo hợp đồng lao động của sáu tháng gần nhất tính đến trước ngày báo cáo.

Khoản trích trước này được sử dụng để trả một lần khi người lao động chấm dứt hợp đồng lao động theo quy định hiện hành.

2.22 Vốn chủ sở hữu

(a) Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(b) Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý phản ánh số chênh lệch do đánh giá lại tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý.

(c) Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ

Từ ngày 1 tháng 2 năm 2022, Thông tư 114/2021/TT-BTC do Bộ Tài chính ban ngày 17 tháng 12 năm 2021 chính thức có hiệu lực, theo đó:

- Chế độ tài chính đối với công ty chứng khoán theo Thông tư 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014 được bãi bỏ toàn bộ.
- Đối với số dư quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ theo Luật Chứng khoán 2019, các văn bản hướng dẫn và Điều lệ hoạt động của Công ty.
- Đối với số dư quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, Công ty sẽ bổ sung vốn điều lệ hoặc sử dụng theo quyết định của Đại hội đồng Cổ đông, Luật Chứng khoán 2019 và các văn bản hướng dẫn, và Điều lệ hoạt động của Công ty, đảm bảo đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính theo quy định của pháp luật chứng khoán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.22 Vốn chủ sở hữu (tiếp theo)****(c) *Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ (tiếp theo)***

Trước ngày 1 tháng 2 năm 2022:

- Theo Thông tư 146/2014/TT-BTC, công ty chứng khoán phải trích lập quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ và quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ ở mức 5% lợi nhuận sau thuế TNDN cho mỗi quỹ vào mỗi năm có lợi nhuận cho đến khi mỗi quỹ này đạt 10% vốn điều lệ.
- Quỹ dự phòng tài chính và rủi ro nghiệp vụ được trích lập để sử dụng bù đắp phần còn lại của những tổn thất, thiệt hại về tài sản xảy ra trong quá trình kinh doanh sau khi được bù đắp bằng tiền bồi thường của tổ chức, cá nhân gây ra tổn thất và của tổ chức bảo hiểm, sử dụng quỹ bảo vệ nhà đầu tư và sử dụng dự phòng trích lập trong chi phí.
- Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ trích lập để bổ sung vốn điều lệ.

(d) *Lợi nhuận chưa phân phối*

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh kết quả hoạt động sau thuế TNDN của Công ty tại ngày báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện từ các giao dịch đã phát sinh lũy kế đến ngày báo cáo.

Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng giá trị lãi, lỗ đánh giá lại của các tài sản tài chính FVTPL hoặc tài sản tài chính khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động.

Lợi nhuận đã thực hiện của kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng doanh thu, thu nhập với tổng các khoản chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động ngoài các khoản lãi, lỗ do đánh giá lại tài sản tài chính đã được ghi nhận vào lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện.

2.23 Chia cổ tức

Cổ tức của Công ty được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính khi cổ tức được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng Cổ đông hoặc khi Hội đồng Quản trị công bố quyết định trả cổ tức giữa kỳ phù hợp với Điều lệ công ty và quy định pháp luật hiện hành.

2.24 Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng

Tài sản của khách hàng và nợ phải trả khách hàng được phản ánh tại các chỉ tiêu ngoài báo cáo tình hình tài chính bao gồm:

- Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán, tiền gửi của tổ chức phát hành và nợ phải trả tương ứng; và
- Tài sản tài chính của nhà đầu tư.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023****2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)****2.25 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác****(a) Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư**

Doanh thu cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư bao gồm phí môi giới chứng khoán, phí bảo lãnh phát hành, phí tư vấn đầu tư chứng khoán, phí lưu ký chứng khoán và hoạt động uỷ thác đầu giá.

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày báo cáo; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm các khoản giảm giá dịch vụ đã cung cấp. Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ cung cấp dịch vụ được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh sau ngày báo cáo nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính được ghi nhận điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo.

(b) Thu nhập từ hoạt động tự doanh và tài sản tài chính

Thu nhập từ hoạt động tự doanh và góp vốn bao gồm lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính và cổ tức.

Lãi/(lỗ) từ thanh lý, nhượng bán tài sản tài chính là khoản chênh lệch giữa giá bán chưa trừ phí bán và giá vốn của tài sản tài chính thanh lý, nhượng bán. Giá vốn này được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng khoán cơ sở và phương pháp thực tế đích danh đối với chứng khoán phái sinh.

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chỉ được cập nhật và theo dõi số lượng cổ phiếu nắm giữ mà không được ghi nhận là thu nhập.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.25 Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác (tiếp theo)

(c) Thu nhập trên vốn kinh doanh

Thu nhập trên vốn kinh doanh bao gồm lãi tiền gửi ngân hàng, lãi từ các khoản đầu tư HTM, lãi thu được từ các hợp đồng giao dịch ký quỹ và tạm ứng tiền bán chứng khoán cho nhà đầu tư. Các khoản thu nhập này được ghi nhận theo phương pháp trích trước trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

(d) Thu nhập khác

Thu nhập khác bao gồm các khoản thu nhập không thường xuyên phát sinh từ các hoạt động ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu và thu nhập nêu trên.

2.26 Chi phí

(a) Ghi nhận

Chi phí hoạt động được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

(b) Phân loại

Chi phí của Công ty được phân loại theo chức năng như sau:

- Chi phí hoạt động;
- Chi phí tài chính;
- Chi phí quản lý; và
- Chi phí khác.

2.27 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng.

Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc hình thành bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc hình thành tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động khi phát sinh.

2.28 Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Công ty chủ yếu bao gồm chi phí nhân viên, chi phí dịch vụ mua ngoài, chi phí công cụ dụng cụ văn phòng, chi phí khấu hao, chi phí thuê văn phòng và chi phí quản lý khác.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

2 CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

2.29 Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế theo thuế suất thuế TNDN của năm báo cáo. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế TNDN phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế TNDN của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế TNDN tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày báo cáo.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

2.30 Các bên liên quan

Các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty trong cùng tập đoàn là các bên liên quan. Các bên liên kết, các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những cá nhân quản lý chủ chốt bao gồm Hội đồng Quản trị và Tổng Giám đốc của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ với từng bên liên quan, Công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.31 Số liệu bằng không

Các khoản mục được quy định trong Thông tư 334/2016/TT-BTC, Công văn 6190/BTC-CĐKT và Thông tư 23/2018/TT-BTC không được thể hiện trong báo cáo tài chính này được hiểu là có số liệu bằng không.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền mặt tại quỹ	4.079.500	5.344.000
Tiền gửi ngân hàng	38.464.655.379	49.226.627.217
Tiền gửi bù trừ và thanh toán giao dịch chứng khoán	9.092.342	9.171.934
Các khoản tương đương tiền		
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá ba (3) tháng	3.350.000.000.000	2.385.000.000.000
Tổng cộng	3.388.477.827.221	2.434.241.143.151

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tiền gửi có kỳ hạn hưởng lãi suất từ 2,1%/năm đến 4,2%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 2,5%/năm đến 6,0%/năm).

Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 400 tỷ Đồng (tại 31 tháng 12 năm 2022: 220 tỷ Đồng) (Thuyết minh 3.9).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”)

Mã chứng khoán	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	36.525.220.106	29.481.536.746	3.057.773.943	1.783.088.025
Công ty Cổ phần Tôn Đông A	34.927.272.727	28.476.000.000	-	-
Tập đoàn Vingroup - Công ty CP	260.494.091	153.468.600	283.297.111	185.125.800
Công ty Cổ phần Tập đoàn Gelex	224.934.850	148.703.600	238.523.817	78.132.400
Công ty Cổ phần Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy	211.503.360	147.866.400	212.685.446	76.061.580
Công ty Cổ phần Lizen	122.158.323	77.352.000	122.158.323	48.087.160
Cổ phiếu khác	778.856.755	478.146.146	2.201.109.246	1.395.681.085
	5.593.865	5.593.865	133.380	133.380
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	5.593.865	5.593.865	133.380	133.380
Cổ phiếu khác (*)	5.593.865	5.593.865	133.380	133.380
Chứng chỉ quỹ	162.607.663.982	166.569.165.000	82.441.751.863	73.102.688.000
Chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VN30	68.835.159.027	70.644.432.000	69.849.710.566	63.550.288.000
Chứng chỉ Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND	54.726.333.143	55.612.933.000	-	-
Chứng chỉ Quỹ ETF Kim Growth VNFINSELECT	27.261.874.472	28.657.100.000	4.648.454.854	4.210.000.000
Chứng chỉ Quỹ ETF Kim Growth VN30	10.911.347.950	10.500.000.000	7.920.036.443	5.320.000.000
Chứng chỉ Quỹ ETF FPT Capital VNX50	872.949.390	1.154.700.000	-	-
Chứng chỉ Quỹ ETF VFMVN Diamond	-	-	23.550.000	22.400.000
	212.062.939.500	212.062.939.500	-	-
Chứng chỉ tiền gửi (*)	411.201.417.453	408.119.235.111	85.499.659.186	74.885.909.405

(*) Các công cụ tài chính này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên được phân ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(a) Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ (“FVTPL”) (tiếp theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	36.525.220.106	4.911.346	29.481.536.746
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch (*)	5.593.865	-	5.593.865
Chứng chỉ quỹ ETF	162.607.663.982	4.372.848.968	166.569.165.000
Chứng chỉ tiền gửi (*)	212.062.939.500	-	212.062.939.500
Tổng cộng	411.201.417.453	4.377.760.314	408.119.235.111

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Chênh lệch đánh giá lại		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
	Giá gốc VND	Chênh lệch tăng VND	
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	3.057.773.943	9.375.712	1.783.088.025
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch (*)	133.380	-	133.380
Chứng chỉ quỹ ETF	82.441.751.863	-	73.102.688.000
Tổng cộng	85.499.659.186	9.375.712	74.885.909.405

(*) Các công cụ tài chính này không có giá niêm yết trên thị trường hoạt động và giá trị hợp lý của chúng không thể xác định một cách đáng tin cậy, nên được phản ánh theo giá gốc.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(b) Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (“HTM”)

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá trị phân bổ	Dự phòng suy giảm giá trị	Giá trị phân bổ	Dự phòng suy giảm giá trị
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Ngắn hạn	880.000.000.000	-	2.225.424.300.000	-
Tiền gửi ngân hàng (i)	780.000.000.000	-	2.020.000.000.000	-
Chứng chỉ tiền gửi (ii)	100.000.000.000	-	205.424.300.000	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn				
- Dài hạn	250.000.000.000	-	20.000.000.000	-
Tiền gửi ngân hàng (iii)	250.000.000.000	-	-	-
Trái phiếu chưa niêm yết	-	-	20.000.000.000	-
	1.130.000.000.000		2.245.424.300.000	

(i) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ 6 tháng đến dưới 1 năm có lãi suất năm từ 4,20%/năm đến 7,80%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 4,50%/năm đến 8,70%/năm). Giá trị các khoản tiền gửi có kỳ hạn được dùng để thế chấp cho các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 580 tỷ đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 1.720 tỷ đồng) (Thuyết minh 3.9).

(ii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chứng chỉ tiền gửi có kỳ hạn gốc 1 năm có lãi suất là 13,00%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: là 6,25%/năm).

(iii) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc lớn hơn 1 năm có lãi suất là 7,20%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: không có số dư).

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”)

	Mã chứng khoán	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
		Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch		10.516.976.313	17.100.385.500	66.236.476.315	77.364.353.000
Công ty Cổ phần Seoul Metal Việt Nam	SMV	10.516.976.313	17.100.385.500	10.516.976.315	17.100.385.500
Công ty Cổ phần Tôn Đông Á	GDA	-	-	54.214.700.000	58.759.167.500
Công ty Cổ phần Tập đoàn Nova Consumer	NCG	-	-	1.504.800.000	1.504.800.000
Chứng chỉ quỹ		201.706.809.845	245.053.641.574	196.706.809.843	213.567.344.499
Quỹ Đầu tư cổ phiếu tăng trưởng Mirae Asset Việt Nam	MAGEF	96.706.809.845	124.016.178.700	96.706.809.843	107.147.944.499
Quỹ Đầu tư trái phiếu linh hoạt Mirae Asset Việt Nam	MAFF	100.000.000.000	116.142.200.000	100.000.000.000	106.419.400.000
Quỹ Đầu tư cổ phiếu giá trị Fides Việt Nam	FVEF	5.000.000.000	4.895.262.874	-	-
Tổng cộng		212.223.786.158	262.154.027.074	262.943.286.158	290.931.697.499

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.2 Danh mục tài sản tài chính (tiếp theo)

(c) Tài sản tài chính sẵn sàng để bán (“AFS”) (tiếp theo)

Tình hình biến động giá trị thị trường của các tài sản tài chính:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch Chứng chỉ quỹ	10.516.976.313 201.706.809.845	6.583.409.187 43.346.831.729	- -	17.100.385.500 245.053.641.574
Tổng cộng	212.223.786.158	49.930.240.916	-	262.154.027.074

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

	Giá gốc VND	Chênh lệch đánh giá		Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND
		Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch Chứng chỉ quỹ	66.236.476.315 196.706.809.843	11.127.876.685 16.860.534.656	- -	77.364.353.000 213.567.344.499
Tổng cộng	262.943.286.158	27.988.411.341	-	290.931.697.499

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị

(a) Các khoản cho vay

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND	Giá trị phân bổ VND	Dự phòng suy giảm giá trị VND
Hợp đồng giao dịch ký quỹ (i)	13.400.325.556.104	127.288.943.700	12.626.444.801.653	65.000.000.000
Ứng trước tiền bán chứng khoán (ii)	1.272.566.144.532	-	972.054.755.022	-
	14.672.891.700.636	127.288.943.700	13.598.499.556.675	65.000.000.000

(i) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ là số tiền tài trợ cho nhà đầu tư mua chứng khoán trên cơ sở giao dịch ký quỹ theo Quyết định 87/QĐ-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước ban hành ngày 25 tháng 1 năm 2017. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tài trợ này có thời hạn thu hồi không quá ba (3) tháng kể từ ngày giải ngân theo quy định và Công ty được hưởng lãi suất từ 0,0236%/ngày đến 0,0361%/ngày (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: từ 0,0333%/ngày đến 0,0375%/ngày).

Chứng khoán của khách hàng tham gia vào giao dịch ký quỹ được Công ty nắm giữ như tài sản đảm bảo cho khoản vay. Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.635.953.963.900 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 36.070.485.245.410 Đồng).

(ii) Tạm ứng giao dịch chứng khoán

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, các khoản tạm ứng giao dịch chứng khoán cho khách hàng được hưởng lãi suất từ 0,0236%/ngày đến 0,0361%/ngày (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 0,0333%/ngày đến 0,0375%/ngày) và có thời hạn gốc từ 1 ngày đến 2 ngày giao dịch.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.3 Các khoản cho vay và dự phòng suy giảm giá trị (tiếp theo)

(b) Dự phòng suy giảm các giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp

Tình hình biến động dự phòng suy giảm các giá trị tài sản tài chính và tài sản thế chấp như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	65.000.000.000	-
Dự phòng trong năm (Thuyết minh 5.5)	62.288.943.700	65.000.000.000
Số dư cuối năm	<u>127.288.943.700</u>	<u>65.000.000.000</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng phải thu khó đòi VND	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị dự phòng phải thu khó đòi VND
Phải thu từ bán các tài sản tài chính	508.370.000	-	20.259.000	-
Phải thu từ bán chứng khoán niêm yết	508.370.000	-	20.259.000	-
Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi từ các tài sản tài chính	43.538.779.627	-	67.432.465.775	-
Dự thu cổ tức, tiền lãi chưa đến ngày nhận	43.538.779.627	-	67.432.465.775	-
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.628.849.503	-	3.223.322.782	-
Phải thu khách hàng từ hoạt động lưu ký chứng khoán	4.606.894.046	-	3.207.459.354	-
Phải thu hoạt động kinh doanh chứng khoán khác	21.955.457	-	15.863.428	-
Phải thu khác	4.190.287.566	-	2.460.982.504	-
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	322.558.629	-	25.558.637	-
Khác	3.867.728.937	-	2.435.423.867	-
Tổng cộng	52.866.286.696	-	73.137.030.061	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.5 Các khoản đầu tư dài hạn khác

	Tỷ lệ sở hữu %	Tại ngày 31.12.2023			Tại ngày 31.12.2022		
		Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam (Thuyết minh 7(b))	14,99	572.618.000	-	(*)	572.618.000	(*)	-

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trên báo cáo tài chính vì các khoản đầu tư này không có giá niêm yết trên thị trường. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.6 Chi phí trả trước

(a) Chi phí trả trước ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí bảo lãnh cho các khoản vay (Thuyết minh 7(b))	25.305.260.845	-
Chi phí thu xếp khoản vay	12.976.343.879	16.458.121.884
Học phí cho con của nhân viên người nước ngoài	1.436.880.000	1.774.076.000
Chi phí trả trước cho thuê hoạt động	1.189.770.828	8.756.124.845
Các khoản trả trước ngắn hạn khác	7.919.330.867	7.575.128.856
Tổng cộng	48.827.586.419	34.563.451.585

(b) Chi phí trả trước dài hạn

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Sửa chữa văn phòng và bảo trì hệ thống	4.492.170.762	6.614.292.866
Công cụ và dụng cụ	2.946.342.233	7.233.499.948
Phí internet	2.921.723.131	2.314.955.182
Phí thành viên	769.282.388	800.469.429
Quỹ khuyến học	750.000.000	3.750.000.000
Tổng cộng	11.879.518.514	20.713.217.425

Biến động chi phí trả trước dài hạn trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Số dư đầu năm	20.713.217.425	15.598.029.652
Tăng trong năm	7.283.630.272	21.336.764.098
Phân bổ trong năm	(16.117.329.183)	(16.221.576.325)
Số dư cuối năm	11.879.518.514	20.713.217.425

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**
3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
3.7 Tài sản cố định
(a) Tài sản cố định hữu hình

	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng cộng VND
Nguyên giá			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.298.900.000	41.715.320.838	43.014.220.838
Mua trong năm	1.676.973.400	12.871.720.180	14.548.693.580
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>2.975.873.400</u>	<u>54.587.041.018</u>	<u>57.562.914.418</u>
Giá trị khấu hao lũy kế			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	1.255.603.322	25.203.654.554	26.459.257.876
Khấu hao trong năm	322.792.236	7.125.013.711	7.447.805.947
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u>1.578.395.558</u>	<u>32.328.668.265</u>	<u>33.907.063.823</u>
Giá trị còn lại			
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	<u>43.296.678</u>	<u>16.511.666.284</u>	<u>16.554.962.962</u>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	<u><u>1.397.477.842</u></u>	<u><u>22.258.372.753</u></u>	<u><u>23.655.850.595</u></u>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 18.700.112.895 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 15.979.005.495 Đồng).

Công ty không có tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.7 Tài sản cố định (tiếp theo)

(b) Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND
Nguyên giá	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	31.450.833.383
Mua trong năm	11.832.387.714
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	43.283.221.097
	<hr/>
Giá trị khấu hao lũy kế	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	18.821.310.452
Khấu hao trong năm	5.668.165.048
	<hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	24.489.475.500
	<hr/>
Giá trị còn lại	
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	12.629.522.931
	<hr/> <hr/>
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023	18.793.745.597
	<hr/> <hr/>

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có các cam kết về việc mua/bán tài sản cố định vô hình có giá trị lớn chưa thực hiện.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng là 10.080.615.061 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 9.780.615.061 Đồng).

Công ty không có tài sản cố định vô hình cuối năm chờ thanh lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.8 Các tài sản khác

(a) Tài sản ngắn hạn khác

Đây là tiền ký quỹ của Công ty cho giao dịch tự doanh chứng khoán phái sinh theo Quyết định 96/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

(b) Tiền nộp Quỹ Hỗ trợ thanh toán

Theo Quyết định 45/QĐ-VSD ngày 22 tháng 5 năm 2014 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, Công ty phải ký quỹ với số tiền ban đầu là 120 triệu Đồng tại Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam và hàng năm đóng thêm số tiền là 0,01% của tổng giá trị chứng khoán đã giao dịch và môi giới trong năm trước nhưng không quá 2,5 tỷ Đồng/năm. Mức đóng góp tối đa vào Quỹ Hỗ trợ thanh toán là 20 tỷ Đồng.

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	15.190.764.818	12.690.764.818
Tiền nộp bổ sung	2.500.000.000	2.500.000.000
Số dư cuối năm	17.690.764.818	15.190.764.818

(c) Tài sản dài hạn khác

Theo Quy chế Quản lý và Sử dụng Quỹ bù trừ giao dịch chứng khoán phái sinh ban hành kèm theo Quyết định số 97/QĐ-VSD ngày 23 tháng 3 năm 2017 của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, mức đóng góp tối thiểu ban đầu là 10 tỷ Đồng đối với thành viên bù trừ trực tiếp.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.9 Các khoản vay ngắn hạn

Tổng hợp tình hình tăng giảm các khoản vay trong năm như sau:

	Lãi suất %/năm	Số dư đầu năm VND	Số vay trong năm VND	Số trả trong năm VND	Số dư cuối năm VND
Vay ngân hàng trong nước (i)	2,8 - 8,6	515.000.000.000	12.224.448.912.250	(12.156.448.912.250)	583.000.000.000
Vay thấu chi ngân hàng (ii)	4,0 - 8,0	200.000.000.000	13.714.400.561.000	(13.766.400.561.000)	148.000.000.000
Vay ngân hàng nước ngoài (iii)	SOFR + 0,9 - 1,7	8.390.550.000.000	9.155.288.000.000	(8.558.550.000.000)	8.987.288.000.000
		9.105.550.000.000	35.094.137.473.250	(34.481.399.473.250)	9.718.288.000.000

- (i) Đây là các khoản vay ngắn hạn ngân hàng trong nước nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, có thời hạn vay là 1 năm và chịu lãi suất thay đổi theo từng thời kỳ do ngân hàng công bố. Các khoản vay và được đảm bảo bởi tiền gửi tại chính các ngân hàng cho vay với giá trị ghi số là 630 tỷ Đồng (tại 31 tháng 12 năm 2022: 580 tỷ Đồng)
- (ii) Đây là các khoản vay thấu chi có hiệu lực rút vốn đến hết ngày 25 tháng 6 năm 2024, chịu lãi suất từ 4,0%/năm đến 8,0%/năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần. Các khoản vay nhằm mục đích bổ sung vốn cho hoạt động kinh doanh. Các khoản thấu chi này được đảm bảo bằng khoản tiền gửi tại chính ngân hàng cho vay với giá trị ghi số là 350 tỷ Đồng (tại 31 tháng 12 năm 2022: 990 tỷ Đồng)
- (iii) Đây là các khoản vay tín chấp ngắn hạn với các ngân hàng nước ngoài nhằm mục đích bổ sung vốn lưu động cho hoạt động kinh doanh, có thời hạn vay là 1 năm và chịu lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên từ 0,9% đến 1,7%/năm. Lãi suất tham chiếu là lãi suất tài trợ qua đêm có bảo đảm ("SOFR") áp dụng cho đồng Đô la Mỹ ("USD") kỳ hạn 3 tháng và 6 tháng được niêm yết vào 08:00 giờ sáng (giờ London) ngày tính lãi. Trường hợp không có lãi suất SOFR áp dụng cho USD cùng kỳ hạn khoản vay, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất SOFR áp dụng cho USD quy đổi về cùng kỳ hạn khoản vay cùng thời điểm nêu trên ("lãi suất quy đổi"). Trường hợp không xác định được lãi suất quy đổi, lãi suất tham chiếu sẽ là lãi suất huy động của từng bên cho vay.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.10 Thuế và các khoản khác phải nộp Nhà nước

Biến động về thuế và các khoản phải nộp Nhà Nước trong năm như sau:

	Tại ngày 1.1.2023 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Tại ngày 31.12.2023 VND
Thuế TNDN - hiện hành	33.650.199.167	143.856.693.117	(144.080.014.518)	33.426.877.766
Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") giao dịch chứng khoán nộp hộ nhà đầu tư	21.770.922.401	196.058.179.442	(201.225.123.440)	16.603.978.403
Thuế nhà thầu	5.882.502.673	54.814.756.054	(46.981.070.743)	13.716.187.984
Thuế TNCN giao dịch cổ phiếu nộp hộ nhà đầu tư	29.465.394.106	190.671.009.278	(209.685.922.396)	10.450.480.988
Thuế TNCN nộp hộ nhân viên	3.462.278.631	48.730.240.775	(47.620.003.133)	4.572.516.273
Thuế TNCN giao dịch chứng khoán phải sinh nộp hộ nhà đầu tư	1.642.993.918	9.725.255.669	(10.756.279.239)	611.970.348
Thuế giá trị gia tăng	215.648.427	144.403.702	(338.779.402)	21.272.727
Thuế khác	1.029.397.079	11.772.689.686	(11.676.414.229)	1.125.672.536
Tổng cộng	97.119.336.402	655.773.227.723	(672.363.607.100)	80.528.957.025

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.11 Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay khác	80.973.743.241	143.984.456.197
Chi phí phải trả nhân viên	41.500.000.000	48.000.000.000
Chi phí môi giới chứng khoán	20.687.252.321	18.843.393.463
Chi phí giao dịch chứng khoán	9.916.098.473	12.083.615.903
Chi phí dịch vụ tư vấn phải trả	221.184.000	394.400.000
Chi phí phải trả khác	4.090.709.651	4.322.889.467
Tổng cộng	157.388.987.686	227.628.755.030

3.12 Các khoản phải trả khác

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Bên liên quan (Thuyết minh 7(b))	130.000.000.000	100.000.000.000
Cổ tức phải trả cho cổ đông (Thuyết minh 7(b))	173.701.643.836	94.251.643.836
Khác	6.035.961.851	3.875.483.058
Tổng cộng	309.737.605.687	198.127.126.894

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.13 Thuế TNDN hoãn lại

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải trả và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế. Chi tiết số liệu về bù trừ như sau:

	<u>Tại ngày</u>	
	<u>31.12.2023</u> VND	<u>31.12.2022</u> VND
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	1.140.433.699	13.570.998.525
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	(9.986.048.183)	(5.597.682.268)
Tổng cộng	<u>(8.845.614.484)</u>	<u>7.973.316.257</u>

Biến động gộp của thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

	<u>Năm tài chính kết thúc ngày</u>	
	<u>31.12.2023</u> VND	<u>31.12.2022</u> VND
Số dư đầu năm	7.973.316.257	(24.641.329.041)
Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động (Thuyết minh 5.8)	(12.430.564.826)	13.047.770.741
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	(4.388.365.915)	19.566.874.557
Số dư cuối năm	<u>(8.845.614.484)</u>	<u>7.973.316.257</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.13 Thuế TNDN hoãn lại (tiếp theo)

Chi tiết tài sản thuế TNDN hoãn lại như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp	-	65.000.000.000
Dự phòng phải trả khác	5.702.168.494	2.854.992.625
Tổng cộng	5.702.168.494	67.854.992.625
Tính ở thuế suất 20%:		
Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi trong vòng 12 tháng	1.140.433.699	13.570.998.525

Chi tiết thuế TNDN hoãn lại phải trả như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chênh lệch tạm thời được khấu trừ:		
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính ghi nhận theo AFS	(49.930.240.916)	(27.988.411.341)
Tính ở thuế suất 20%:		
Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng	(9.986.048.183)	(5.597.682.268)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu

(a) Số lượng cổ phiếu

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký	545.550.000	113.500.000	545.550.000	113.500.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	545.550.000	113.500.000	545.550.000	113.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	545.550.000	113.500.000	545.550.000	113.500.000

Mỗi cổ phiếu có mệnh giá là 10.000 Đồng.

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31.12.2023		Tại ngày 31.12.2022	
	Cổ phiếu phổ thông	%	Cổ phiếu phổ thông	%
Mirae Asset Securities (HK) Limited	544.458.900	99,8	544.458.900	99,8
Mirae Asset Global Investment (HK) Limited	545.550	0,1	545.550	0,1
PT Mirae Asset Sekuritas Indonesia	545.550	0,1	545.550	0,1
Số lượng cổ phiếu	545.550.000	100,0	545.550.000	100,0
			Cổ phiếu ưu đãi	113.500.000
				100,0

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.14 Vốn góp của chủ sở hữu (tiếp theo)

(c) Tình hình biến động vốn góp của chủ sở hữu

	Cổ phiếu phổ thông	Cổ phiếu ưu đãi (*)	Tổng cộng
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022, 31 tháng 12 năm 2022 và 31 tháng 12 năm 2023	<u>545.550.000</u>	<u>113.500.000</u>	<u>659.050.000</u>

(*) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 01/2021NQ-MAS-ĐHĐCĐ ngày 27 tháng 9 năm 2021, Đại hội đồng Cổ đông thông qua việc tăng vốn điều lệ và chào bán cổ phần thêm 1.135.000.000.000 Đồng, tương đương 49.901.077,16 Đô la Mỹ bằng hình thức chào bán cổ phần cho cổ đông hiện hữu, chi tiết như sau:

- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu của Công ty
- Loại cổ phần chào bán: Cổ phần ưu đãi cổ tức
- Giá chào bán: 10.000 Đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần chào bán: 113.500.000 cổ phần
- Giá trị dự kiến chào bán: 1.135.000.000.000 Đồng
- Tỷ lệ phát hành: 100 : 20,8047 (cổ đông sở hữu 100 cổ phần sẽ được mua thêm 20,8047 cổ phần mới)
- Mức cổ tức hằng năm: 7%.

Căn cứ theo Quyết định số 6268/UBCK-QLKD ngày 13 tháng 10 năm 2021, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty thực hiện việc phát hành cổ phiếu ưu đãi cho cổ đông hiện hữu của Công ty. Việc tăng vốn điều lệ đã hoàn tất vào ngày 25 tháng 10 năm 2021.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.15 Chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý

	Tại ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Chênh lệch đánh giá tài sản tài chính AFS theo giá trị hợp lý (Thuyết minh 3.2(c))	49.930.240.916	27.988.411.341
Trừ: thuế TNDN hoãn lại (Thuyết minh 3.13)	(9.986.048.183)	(5.597.682.268)
	39.944.192.733	22.390.729.073

Chi tiết biến động của chênh lệch đánh giá tài sản theo giá trị hợp lý trong năm như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Số dư đầu năm	22.390.729.073	100.658.227.302
Ghi nhận vào vốn chủ sở hữu	17.553.463.660	(14.391.746.438)
Phân loại vào báo cáo kết quả hoạt động khi thanh lý	-	(63.875.751.791)
Số dư cuối năm	39.944.192.733	22.390.729.073

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

3 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

3.16 Lợi nhuận chưa phân phối

	Tại ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	3.069.793.277.084	2.590.464.449.240
Lỗ chưa thực hiện	(3.082.182.342)	(10.613.749.781)
Tổng cộng	3.066.711.094.742	2.579.850.699.459

Chi tiết biến động của lợi nhuận chưa phân phối trong năm như sau:

	Số dư tại ngày 1.1.2023	Thu nhập trong năm	Cổ tức đã công bố trong năm (i)	Số dư tại ngày 31.12.2023
	VND	VND	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế đã thực hiện	2.590.464.449.240	558.778.827.844	(79.450.000.000)	3.069.793.277.084
(Lỗ)/lợi nhuận chưa thực hiện	(10.613.749.781)	7.531.567.439	-	(3.082.182.342)
Lợi nhuận chưa phân phối	2.579.850.699.459	566.310.395.283	(79.450.000.000)	3.066.711.094.742

- (i) Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 27 tháng 9 năm 2021 và Nghị quyết cùng ngày, Hội đồng Quản trị tại ngày 13 tháng 3 năm 2024 đã thông qua việc chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2023 cho các Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi với tỷ lệ 7%/năm từ lợi nhuận chưa phân phối của năm 2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

4.1 Tài sản tài chính niêm yết/đăng ký giao dịch tại VSDC của công ty chứng khoán

	<u>Tại ngày</u>	
	<u>31.12.2023</u>	<u>31.12.2022</u>
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Giao dịch tự do chuyển nhượng	15.681.506	6.723.547
Chờ thanh toán	20.100	1.700
	<u>15.701.606</u>	<u>6.725.247</u>

4.2 Tài sản tài chính chưa lưu ký của công ty chứng khoán

	<u>Tại ngày</u>	
	<u>31.12.2023</u>	<u>31.12.2022</u>
Tài sản tài chính (số lượng chứng khoán)		
Cổ phiếu	481.701	2.269.906
Trái phiếu	-	20
Chứng chỉ quỹ	19.364.594	18.930.000
	<u>19.846.295</u>	<u>21.199.926</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

4 THÔNG TIN BỔ SUNG CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)

4.3 Hợp đồng tương lai

Vị thế bán đối với các hợp đồng tương lai tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày 31.12.2023				Vị thế bán VND
	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	
Mã hợp đồng					
VN30F2401	17.11.2023	18.01.2024	800	1.134,6	90.768.000.000
					90.768.000.000

	Tại ngày 31.12.2022				Vị thế bán VND
	Ngày giao dịch đầu tiên	Ngày giao dịch cuối cùng	Khối lượng bán	Giá thanh toán cuối ngày	
Mã hợp đồng					
VN30F2301	18.11.2022	19.01.2023	560	1.004,5	56.252.000.000
					56.252.000.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lãi bán các tài sản tài chính FVTPL	121.715.501.556	260.212.643.379
Trong đó:		
<i>Chứng khoán cơ sở</i>	40.098.716.587	22.444.120.996
<i>Chứng chỉ quỹ</i>	5.557.852.969	65.671.686.383
<i>Chứng khoán phái sinh</i>	76.058.932.000	172.096.836.000
Lỗ bán các tài sản tài chính FVTPL	(101.244.805.034)	(180.475.301.434)
Trong đó:		
<i>Chứng khoán cơ sở</i>	(10.906.183.553)	(18.082.338.022)
<i>Chứng chỉ quỹ</i>	(4.046.812.481)	(26.903.780.412)
<i>Chứng khoán phái sinh</i>	(86.291.809.000)	(135.489.183.000)
Lãi ròng	20.470.696.522	79.737.341.945

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

5.1 Lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL (tiếp theo)

Chi tiết lãi ròng từ việc bán các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Số lượng bán	Tổng giá trị bán VND	Giá vốn (*) VND	(Lỗ)/lãi bán năm nay VND	(Lỗ)/lãi bán năm trước VND
Cổ phiếu	2.728.752	60.652.314.622	64.557.277.896	(3.904.963.274)	(10.473.348.610)
Trái phiếu	37.130.485	5.624.182.779.425	5.619.244.232.710	4.938.546.715	6.387.428.429
Chứng chỉ tiền gửi	1.585.846	15.283.381.728.266	15.255.222.778.673	28.158.949.593	8.447.703.155
Chứng chỉ quỹ	44.683.400	420.209.623.549	418.698.583.061	1.511.040.488	38.767.905.971

**Lãi bán chứng khoán cơ sở và
chứng chỉ quỹ**
(Lỗ)/lãi ròng vị thế từ nghiệp vụ
chứng khoán phái sinh hợp đồng
tương lai

Tổng cộng

	86.128.483	21.388.426.445.862	21.357.722.872.340	30.703.573.522	43.129.688.945
				(10.232.877.000)	36.607.653.000
				20.470.696.522	79.737.341.945

(*) Giá vốn được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tính đến cuối ngày giao dịch đối với chứng khoán cơ sở và phương pháp thực tế đích danh đối với chứng khoán phái sinh.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Mẫu số B09 – CTCK

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.2 Chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Tăng chênh lệch tăng về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	14.009.493.766	375.061.189
Tăng chênh lệch giảm về đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL	(6.477.926.327)	(24.685.766.464)
	7.531.567.439	(24.310.705.275)

Chi tiết chênh lệch đánh giá lại các tài sản tài chính FVTPL theo từng loại như sau:

	Giá gốc VND	Giá trị thị trường/ giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2023 VND	Chênh lệch đánh giá lại lũy kế tại ngày 31.12.2022 VND	Ghi nhận vào kết quả hoạt động trong năm VND
Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu giao dịch trên UPCoM	36.516.540.315	29.472.856.955	(7.043.683.360)	(1.274.685.918)	(5.768.997.442)
Cổ phiếu chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch	14.273.656	14.273.656	-	-	-
Chứng chỉ quỹ ETF	162.607.663.982	166.569.165.000	3.961.501.018	(9.339.063.863)	13.300.564.881
Chứng chỉ tiền gửi	212.062.939.500	212.062.939.500	-	-	-
	411.201.417.453	408.119.235.111	(3.082.182.342)	(10.613.749.781)	7.531.567.439

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.3 Cổ tức và tiền lãi phát sinh từ các tài sản tài chính

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Từ tài sản tài chính FVTPL	6.771.531.133	82.339.717
Cổ tức	6.771.531.133	82.339.717
Từ tài sản tài chính HTM	291.766.218.572	198.824.576.192
Lãi từ tiền gửi có kỳ hạn	287.258.189.806	180.208.933.597
Lãi từ trái phiếu	4.508.028.766	18.615.642.595
Từ các khoản cho vay và phải thu	1.434.405.112.876	1.431.376.466.493
Lãi từ hoạt động ký quỹ	1.312.139.335.934	1.291.283.854.820
Lãi từ dịch vụ tạm ứng giao dịch chứng khoán	122.265.776.942	140.092.611.673
Từ tài sản tài chính AFS	739.629.500	2.476.556.500
Cổ tức	739.629.500	2.476.556.500
Tổng cộng	1.733.682.492.081	1.632.759.938.902

5.4 Doanh thu nghiệp vụ môi giới chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Doanh thu ban đầu	586.058.734.285	714.568.965.470
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	586.058.734.285	714.568.965.470

5.5 Chi phí dự phòng tài sản tài chính, xử lý tổn thất các khoản phải thu khó đòi và lỗ suy giảm tài sản tài chính và chi phí đi vay của các khoản cho vay

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023	31.12.2022
	VND	VND
Chi phí lãi vay	638.675.579.864	378.806.573.479
Phân bổ chi phí hợp đồng phòng ngừa rủi ro tiền tệ	111.943.917.005	176.949.592.868
Chi phí bảo lãnh	70.161.141.051	78.292.735.655
Dự phòng suy giảm giá trị các tài sản tài chính và tài sản thế chấp (Thuyết minh 3.3(b))	62.288.943.700	65.000.000.000
Chi phí khác	36.526.139.554	26.383.622.100
Tổng cộng	919.595.721.174	725.432.524.102

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.6 Chi phí hoạt động ngoài các chi phí liên quan đến tài sản tài chính

Chi phí hoạt động trong năm bao gồm chi phí trực tiếp và chi phí phân bổ, cụ thể như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí hoạt động tự doanh	10.939.349.618	8.130.544.995
Chi phí nhân viên	6.201.208.759	3.833.882.142
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.513.708.279	757.595.180
Chi phí thuê văn phòng	950.822.532	2.195.201.907
Khác	2.273.610.048	1.343.865.766
Chi phí nghiệp vụ môi giới chứng khoán	588.642.813.421	636.670.613.652
Chi phí nhân viên	245.333.652.845	237.442.043.860
Chi phí hoa hồng	127.384.024.887	171.516.426.227
Chi phí môi giới	111.745.327.730	126.837.355.461
Chi phí thuê văn phòng	39.746.437.928	37.574.623.584
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.575.800.352	15.007.609.624
Chi phí cho máy tính và các chi phí liên quan	11.844.979.637	11.962.366.051
Chi phí khấu hao TSCĐ	10.933.842.677	8.567.330.139
Phí chứng khoán phái sinh	7.127.260.200	9.536.835.600
Chi phí sửa chữa văn phòng	5.899.316.193	6.198.169.616
Khác	14.052.170.972	12.027.853.490
Chi phí nghiệp vụ lưu ký chứng khoán	24.829.647.958	18.228.186.179
Chi phí lưu ký	24.829.647.958	18.228.186.179
Chi phí khác	230.527	-
Khác	230.527	-
Tổng cộng	624.412.041.524	663.029.344.826

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.7 Chi phí quản lý công ty chứng khoán

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Chi phí nhân viên	73.418.787.270	82.391.274.452
Chi phí dịch vụ mua ngoài	29.515.096.698	20.296.323.503
Chi phí thuê văn phòng	10.098.068.433	8.303.578.715
Chi phí văn phòng phẩm	2.537.775.169	2.370.689.587
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.182.128.318	1.530.631.698
Thuế, phí và lệ phí	3.000.000	10.500.000
Khác	5.999.651.796	4.848.792.597
Tổng cộng	123.754.507.684	119.751.790.552

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

5 THÔNG TIN BỔ SUNG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

5.8 Chi phí thuế TNDN

Số thuế trên lợi nhuận trước thuế của Công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất phổ thông áp dụng 20% như sau:

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	722.597.653.226	923.904.389.285
Thuế tính ở thuế suất 20%:	144.519.530.645	184.780.877.857
Điều chỉnh:		
Thu nhập không chịu thuế	(1.354.306.227)	(511.779.243)
Chi phí không được khấu trừ	122.033.525	99.527.335
Khác (*)	13.000.000.000	(13.047.770.741)
Chi phí thuế TNDN (**)	156.287.257.943	171.320.855.208
Thuế TNDN ghi nhận trong năm:		
Chi phí thuế TNDN - hiện hành	143.856.693.117	184.368.625.949
Chi phí thuế TNDN - hoãn lại (Thuyết minh 3.13)	12.430.564.826	(13.047.770.741)
	156.287.257.943	171.320.855.208

(*) Bao gồm khoản hoàn nhập thuế TNDN hoãn lại đã ghi nhận ở các năm trước liên quan đến khoản dự phòng suy giảm giá trị cho vay.

(**) Chi phí thuế TNDN được ước tính dựa vào thu nhập chịu thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế.

Cơ quan thuế đã thực hiện quyết toán thuế thu nhập doanh nghiệp cho đến năm 2013 và hai năm từ năm 2019 đến năm 2020.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(a) Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

	Năm tài chính kết thúc ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)		
- Công ty cùng tập đoàn		
Doanh thu nghiệp vụ tư vấn đầu tư chứng khoán	1.043.817.291	1.741.170.179
Nhân sự quản lý chủ chốt		
Lương và các quyền lợi gộp khác	5.244.914.331	4.353.054.000

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Công ty TNHH Mirae Asset Realty Việt Nam		
- Công ty liên kết		
Đầu tư dài hạn khác (Thuyết minh 3.5)	572.618.000	572.618.000
Mirae Asset Securities (HK) Limited - Công ty mẹ		
Cổ tức phải trả (Thuyết minh 3.12)	173.701.643.836	94.251.643.836
Trả trước phí bảo lãnh (Thuyết minh 3.6(a))	25.305.260.845	-
Phải thu khác	1.484.957.760	1.484.957.760

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

7 THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan (tiếp theo)

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Công ty TNHH Nền tảng Tài chính Số Vina		
- Công ty cùng tập đoàn		
Phải trả khác (Thuyết minh 3.12)	130.000.000.000	100.000.000.000
Công ty Tài chính TNHH MTV Mirae Asset (Việt Nam)		
- Công ty cùng tập đoàn		
Đầu tư giữ đến ngày đáo hạn – Chứng chỉ tiền gửi	100.000.000.000	-
Phải thu lãi từ chứng chỉ tiền gửi	11.112.328.767	-
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)		
- Công ty cùng tập đoàn		
Phải thu khác	90.594.154	-

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Các hoạt động của Công ty có thể chịu một số rủi ro bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Nhìn chung các chính sách quản lý rủi ro của Công ty là nhằm giảm thiểu ảnh hưởng bất lợi tiềm tàng từ các rủi ro này đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng Thành viên của Công ty chịu trách nhiệm kiểm tra liệu rằng Tổng Giám đốc có giám sát việc tuân thủ chính sách và thủ tục quản lý rủi ro liên quan đến những rủi ro mà Công ty gặp phải hay không.

Tổng Giám đốc của Công ty có trách nhiệm đặt ra mục tiêu và những quy tắc cơ bản về quản trị rủi ro tài chính cho Công ty. Tổng Giám đốc xác lập những chính sách chi tiết ví dụ như xác định rủi ro và đo lường rủi ro, giới hạn đầu tư và chiến lược đầu tư. Chính sách quản trị rủi ro tài chính được xem xét và điều chỉnh thường xuyên nhằm đối phó với biến động và xu hướng của thị trường.

Tổng Giám đốc đã thành lập Ban Quản lý Rủi ro có trách nhiệm xây dựng và giám sát các chính sách quản lý rủi ro của Công ty. Ban Quản lý Rủi ro báo cáo thường xuyên về các hoạt động lên Tổng Giám đốc.

Những thông tin sau đây được dựa trên những thông tin từ Tổng Giám đốc.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà Công ty phải gánh chịu tổn thất tài chính do một bên tham gia trong một công cụ tài chính không thực hiện nghĩa vụ hoặc cam kết đã ký với Công ty. Rủi ro này phát sinh chủ yếu từ tiền gửi ngân hàng, các tài sản tài chính, các khoản phải thu và tài sản khác.

Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty bằng với giá trị ghi sổ tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng chưa trừ dự phòng đã lập và chưa tính đến tài sản thế chấp cũng như các biện pháp đảm bảo khác, chi tiết như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	3.388.473.747.721	2.434.235.799.151
Tài sản tài chính ghi nhận thông qua lãi/lỗ	212.062.939.500	-
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - ngắn hạn	880.000.000.000	2.225.424.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	100.000.000.000	100.000.000.000
Các khoản cho vay	14.672.891.700.636	13.598.499.556.675
Các khoản phải thu	44.047.149.627	67.452.724.775
Phải thu các dịch vụ công ty chứng khoán cung cấp	4.628.849.503	3.223.322.782
Các khoản phải thu khác	4.190.287.566	2.460.982.504
Tạm ứng	137.773.610	224.156.004
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	200.000	200.000
Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn - dài hạn	250.000.000.000	20.000.000.000
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược dài hạn	11.644.340.874	11.253.851.957
Tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh và quỹ hỗ trợ thanh toán	27.792.641.208	25.272.504.945
Tổng giá trị tài sản tiềm ẩn rủi ro tín dụng	19.595.869.630.245	18.488.047.398.793

(i) Số dư với tổ chức tín dụng

Số dư với tổ chức tín dụng bao gồm tiền gửi không kỳ hạn, tiền gửi có kỳ hạn, chứng chỉ tiền gửi và lãi dự thu.

Tiền và chứng chỉ tiền gửi được gửi hoặc được phát hành bởi định chế tài chính mà Công ty xác định là ít có rủi ro từ hoạt động của các tổ chức này. Số dư với các tổ chức tín dụng được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ theo chính sách của Công ty và báo cáo định kỳ cho Tổng Giám đốc. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các số dư với tổ chức tín dụng là thấp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(i) Số dư với tổ chức tín dụng (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty không có số dư với tổ chức tín dụng nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có số dư tiền gửi có kỳ hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với ngân hàng bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(ii) Tài sản tài chính FVTPL

Chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết của Công ty chỉ được giao dịch tại hoặc phải tuân theo các quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội hoặc với các bên đối tác có mức tín nhiệm rõ ràng. Tất cả các hoạt động giao dịch đối với chứng khoán niêm yết và chưa niêm yết được thanh toán hoặc chi trả vào lúc giao chứng khoán thông qua các nhà môi giới đã được chấp thuận. Rủi ro không trả nợ được xem là rất nhỏ do việc chuyển giao chứng khoán chỉ được thực hiện khi nhà môi giới nhận được tiền thanh toán. Việc thanh toán mua chỉ được thực hiện khi nhà môi giới đã nhận được chứng khoán. Nếu một trong các bên không thể thực hiện nghĩa vụ của mình, giao dịch mua bán được xem như không thành công.

Các chứng khoán nợ và chứng chỉ quỹ trái phiếu do Công ty nắm giữ là trái phiếu không có tài sản đảm bảo được phát hành bởi các tổ chức có rủi ro tín dụng thấp và phương án phát hành được phê duyệt bởi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Các đề xuất đầu tư vào các chứng khoán này được phê duyệt theo chính sách đầu tư của Công ty. Danh mục đầu tư vào chứng khoán nợ được theo dõi thường xuyên bởi bộ phận ngân quỹ và báo cáo định kỳ cho Ban Điều hành. Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các chứng khoán nợ của Công ty là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có chứng khoán nợ nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có chứng khoán nợ nào bị quá hạn mà chưa thu hồi hoặc bị suy giảm giá trị.

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh

Tạm ứng giao dịch chứng khoán được thu hồi trực tiếp từ Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam, một đơn vị thuộc sở hữu nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iii) Ứng trước tiền bán chứng khoán và tiền gửi ký quỹ giao dịch chứng khoán phái sinh (tiếp theo)

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam là một đơn vị thuộc sở hữu Nhà nước và chưa từng rơi vào tình trạng mất khả năng thanh toán.

Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam yêu cầu các thành viên phải nộp tiền vào Quỹ Hỗ trợ Thanh toán và Quỹ bù trừ chứng khoán phái sinh để đảm bảo khả năng thanh toán.

Công ty chứng khoán chỉ được nhận lệnh mua hoặc bán chứng khoán của khách hàng khi có đủ một trăm phần trăm (100%) tiền hoặc chứng khoán và phải có các biện pháp cần thiết để đảm bảo khả năng thanh toán của khách hàng khi lệnh giao dịch được thực hiện.

Công ty nhận định rủi ro tín dụng liên quan đến các khoản ứng trước tiền bán chứng khoán là thấp.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có số dư nào với Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam bị quá hạn mà chưa thu hồi bị suy giảm giá trị.

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ

Hợp đồng giao dịch ký quỹ được đảm bảo bằng chứng khoán niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa là 50% giá trị chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ. Danh sách chứng khoán không được phép giao dịch ký quỹ được cập nhật thường xuyên bởi các sở giao dịch chứng khoán. Danh sách chứng khoán được phép giao dịch ký quỹ được phê duyệt và cập nhật thường xuyên bởi bộ phận quản trị rủi ro giao dịch ký quỹ dựa trên một số tiêu chí bao gồm biến động giá và tính thanh khoản.

Bộ phận Dịch vụ Khách hàng có nhiệm vụ liên tục rà soát báo cáo giao dịch ký quỹ bao gồm dư nợ, giá trị tài sản đảm bảo và tỷ lệ ký quỹ duy trì. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 40% (theo luật định: 30%), hệ thống thông tin của Công ty sẽ cảnh báo và Công ty xuất lệnh yêu cầu khách hàng ký quỹ bổ sung. Khi tỷ lệ ký quỹ duy trì giảm xuống thấp hơn 30%, Công ty buộc phải thanh lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ.

Giá trị thị trường của tổng tài sản đảm bảo tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 39.635.953.963.900 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 36.070.485.245.410 Đồng).

Theo pháp luật chứng khoán hiện hành, mức cho vay ký quỹ tối đa đối với một cá nhân hoặc một tổ chức là 3% vốn chủ sở hữu của công ty chứng khoán. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản cho vay ký quỹ nào vượt quá 3% vốn chủ sở hữu của Công ty.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(iv) Hợp đồng giao dịch ký quỹ (tiếp theo)

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản cho vay ký quỹ tại ngày báo cáo như sau:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Quá hạn và bị suy giảm giá trị (*)	127.288.943.700	-
Quá hạn và không suy giảm giá trị (*)	-	100.205.680.107
Chưa quá hạn và không bị suy giảm giá trị	13.273.036.612.404	12.526.239.121.546
Dự phòng đã lập	(127.288.943.700)	(65.000.000.000)
Giá trị thuần	13.273.036.612.404	12.561.444.801.653

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, việc phân loại chất lượng tín dụng đối với số dư cho vay ký quỹ này dựa trên những chính sách quản lý rủi ro tài chính của Công ty và đánh giá của Tổng Giám đốc đối với khả năng thu hồi của số dư này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(a) Rủi ro tín dụng (tiếp theo)

(v) Các khoản phải thu

Công ty giới hạn rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với đối tác mà Công ty tín nhiệm và yêu cầu các biện pháp đảm bảo khi cần thiết.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và ngày 31 tháng 12 năm 2022, không có khoản phải thu nào chiếm trên 10% vốn chủ sở hữu của Công ty.

Phân tích chất lượng tín dụng của các khoản phải thu tại ngày báo cáo như sau:

	Quá hạn và bị suy giảm VND	Quá hạn nhưng không suy giảm VND	Chưa quá hạn và không bị suy giảm VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 31.12.2023				
Trong hạn	-	-	52.866.286.696	52.866.286.696
Quá hạn trên 3 năm	-	-	-	-
	-	-	52.866.286.696	52.866.286.696
Dự phòng đã lập	-	-	-	-
Giá trị thuần	-	-	52.866.286.696	52.866.286.696
Tại ngày 31.12.2022				
Trong hạn	-	-	73.137.030.061	73.137.030.061
Quá hạn trên 3 năm	-	-	-	-
	-	-	73.137.030.061	73.137.030.061
Dự phòng đã lập	-	-	-	-
Giá trị thuần	-	-	73.137.030.061	73.137.030.061

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có các loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ và rủi ro về giá chứng khoán.

Công ty quản lý rủi ro giá thị trường bằng việc phân tích độ nhạy của các nhân tố ảnh hưởng đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty, đa dạng hóa danh mục đầu tư và thận trọng trong việc lựa chọn các chứng khoán để đầu tư trong hạn mức được quy định và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết.

• Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo lãi suất thị trường. Công ty có rủi ro lãi suất chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp, cho vay và đi vay.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có các mức lãi suất sao cho có lợi nhất cho mục đích của Công ty mà vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro.

Các khoản tiền gửi ngân hàng, chứng chỉ tiền gửi, trái phiếu doanh nghiệp và cho vay của Công ty đều có lãi suất cố định và thu hồi trong ngắn hạn. Các khoản vay có lãi suất thả nổi bằng lãi suất tham chiếu cộng lãi biên. Chi tiết lãi suất của tiền gửi có kỳ hạn cố định, trái phiếu doanh nghiệp, chứng chỉ tiền gửi, các khoản cho vay được trình bày ở Thuyết minh 3.2 và Thuyết minh 3.3. Các khoản vay được trình bày ở Thuyết minh 3.9.

• Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu do Công ty nắm giữ trong danh mục tài sản tài chính, vị thế mở hợp đồng tương lai và chứng quyền có bảo đảm do Công ty phát hành bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của các khoản mục này. Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư và thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro khi cần thiết. Hội đồng Đầu tư của Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào chứng khoán và phát hành chứng quyền.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu giá các cổ phiếu tăng/giảm 10% trong khi tất cả các biến số khác (kể cả thuế suất) giữ nguyên không đổi thì lợi nhuận sau thuế của Công ty sẽ cao hơn/thấp hơn 37.069.044.975 Đồng tương ứng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: cao hơn/thấp hơn 16.251.696.552 Đồng tương ứng).

• Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá. Công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là Đồng Việt Nam, đồng tiền giao dịch chính của Công ty cũng là đồng Việt Nam. Công ty sử dụng các công cụ tài chính phái sinh để phòng ngừa biến động tỷ giá thông qua hợp đồng kỳ hạn tiền tệ. Công ty đã giảm thiểu rủi ro tỷ giá cho các khoản vay phải trả thông qua việc sử dụng công cụ này.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(b) Rủi ro thị trường (tiếp theo)

- Rủi ro tiền tệ (tiếp theo)

Việc kinh doanh của Công ty phải chịu rủi ro từ một số ngoại tệ, chủ yếu là từ đồng Đô la Mỹ (“USD”).

Công ty có các khoản nợ phải trả tiền tệ thuần chịu ảnh hưởng của rủi ro tiền tệ như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2023	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2022
Các khoản vay ngắn hạn	375.000.000	358.000.000	8.987.288.000.000	8.390.550.000.000

Bao gồm trong các khoản vay ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty đã sử dụng công cụ tài chính phái sinh là các hợp đồng kỳ hạn tiền tệ để cố định tỷ giá của một số khoản vay với tổng giá trị là 375.000.000 USD (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 209.000.000 USD).

Rủi ro tỷ giá Đô la Mỹ của Công ty được trình bày như sau:

	Ngoại tệ gốc USD		Quy đổi sang VND	
	31.12.2023	31.12.2022	31.12.2023	31.12.2022
Nợ tài chính				
Các khoản vay (phần chưa được phòng ngừa rủi ro)	-	149.000.000	-	3.514.910.000.000
Nợ tài chính thuần	-	149.000.000	-	3.514.910.000.000
Mức độ rủi ro ngoại tệ, thuần	-	149.000.000	-	3.514.910.000.000

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, nếu Đô la Mỹ mạnh lên/yếu đi 10% (ước tính % thay đổi tỷ giá hối đoái) so với Đồng Việt Nam trong khi mọi biến số khác giữ nguyên không đổi, thì lợi nhuận sau thuế của Công ty trong kỳ kế toán sẽ không thay đổi (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: thấp hơn/cao hơn 281.192.800.000 Đồng tương ứng chủ yếu là do lỗ/lãi quy đổi tỷ giá của các công cụ tài chính có gốc Đô la Mỹ).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

8 QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

(c) Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính.

Công ty quản lý khả năng thanh toán các khoản chi phí hoạt động dự kiến và thanh toán các khoản nợ bằng cách đầu tư các khoản tiền thặng dư vào các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn tại ngân hàng. Công ty cho rằng rủi ro liên quan đến nghĩa vụ nợ tương đối thấp, có khả năng huy động vốn và các khoản vay với thời hạn dưới 12 tháng có thể được gia hạn với người cho vay hiện tại.

Bảng dưới đây liệt kê các khoản nợ tài chính của Công ty theo dòng tiền theo hợp đồng không chiết khấu có thời hạn dưới 1 năm:

	Tại ngày	
	31.12.2023 VND	31.12.2022 VND
Vay ngắn hạn (Thuyết minh 3.9)	9.718.288.000.000	9.105.550.000.000
Chi phí phải trả ngắn hạn (Thuyết minh 3.11)	157.388.987.686	227.628.755.030
Các khoản phải trả, phải nộp khác ngắn hạn (Thuyết minh 3.12)	309.737.605.687	198.127.126.894
Phải trả người bán ngắn hạn	5.645.786.021	1.086.760.616
Tổng nợ tài chính	10.191.060.379.394	9.532.392.642.540

(d) Chỉ tiêu an toàn tài chính

Tỷ lệ vốn khả dụng là một thước đo đánh giá mức độ an toàn tài chính của Công ty, phản ánh khả năng của Công ty trong việc thanh toán nhanh các nghĩa vụ tài chính và khả năng bù đắp các loại rủi ro phát sinh trong quá trình hoạt động của Công ty.

Tỷ lệ này được tính toán và trình bày trong Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính của Công ty. Báo cáo này được lập định kỳ hàng tháng và tuân thủ theo quy định trong Thông tư 91/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 13 tháng 11 năm 2020 (“Thông tư 91/2020/TT-BTC”). Thông tư 91/2020/TT-BTC quy định cách tính chỉ tiêu an toàn tài chính và biện pháp xử lý đối với các tổ chức kinh doanh chứng khoán không đáp ứng chỉ tiêu an toàn tài chính. Theo Thông tư 91/2020/TT-BTC, Công ty quản trị và kiểm soát tỷ lệ vốn khả dụng không thấp hơn 180%.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ vốn khả dụng của Công ty là 1.300% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022: 1.135%).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

9 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Công ty hiện đang thuê văn phòng theo các hợp đồng thuê hoạt động. Đối với các hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang, Công ty phải trả mức tối thiểu trong tương lai như sau:

	<u>Tại ngày</u>	
	<u>31.12.2023</u>	<u>31.12.2022</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Dưới 1 năm	48.194.314.070	54.057.443.936
Từ 1 đến 5 năm	35.737.267.519	85.823.320.330
Tổng cộng	<u>83.931.581.589</u>	<u>139.880.764.266</u>

10 KHỐI LƯỢNG VÀ GIÁ TRỊ GIAO DỊCH THỰC HIỆN TRONG NĂM

	Khối lượng giao dịch thực hiện trong năm	Giá trị giao dịch thực hiện trong năm VND
a) Của Công ty		
Cổ phiếu	10.430.139	302.134.330.620
Chứng chỉ quỹ ETF	47.052.800	444.422.696.000
Trái phiếu	74.260.970	11.243.427.012.135
Chứng chỉ tiền gửi	3.373.792	30.821.927.022.943
Hợp đồng tương lai	22.292	2.504.509.331.000
b) Của nhà đầu tư		
Cổ phiếu	20.639.810.024	410.885.209.339.320
Chứng chỉ quỹ ETF	47.752.899	499.852.541.920
Trái phiếu	31.608.506	4.337.470.229.760
Chứng quyền có đảm bảo	217.915.810	182.757.771.870
Hợp đồng tương lai	2.630.272	291.035.740.868.000
	<u>21.074.857.504</u>	<u>752.257.451.143.568</u>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2023**

11 SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Vào ngày 13 tháng 1 năm 2024, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt kế hoạch chia cổ tức bằng tiền mặt cho năm tài chính 2023. Theo đó, số cổ tức chia cho Cổ đông sở hữu cổ phiếu ưu đãi là 79.450.000.000 Đồng.

Báo cáo tài chính đã được Tổng Giám đốc phê chuẩn để phát hành ngày 25 tháng 3 năm 2024.


Cao Thị Bảo Lê
Người lập/Kế toán trưởng


Huh Hong Suk
Giám đốc Tài chính


Kang Moon Kyung
Tổng Giám đốc





XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY
CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL REPRESENTATIVE



KANG MOON KYUNG

TỔNG GIÁM ĐỐC/GENERAL DIRECTOR